



LẬP TRƯỜNG

TUẦN BÁO CHÍNH TRỊ - VĂN HÓA - XÃ HỘI

Chủ nhiệm: TÔN THẤT HANH

Chủ bút: LE TUYẾN

Tổng thư ký Tòa soạn: CAO HUY THUẬN

Thứ Bảy : 28-3-1964

Trong số này :

- AI ĐÃ GIẾT NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG TRẦN BÁ NAM-VÕ CÔN?
- TÒA ÁN CÁCH MẠNG TRẢ LỜI TRONG :
 - Bản cáo trạng Ngô đ. Cán - Phan q. Đông
 - Phiên tòa Lịch sử
- HOA KỲ VÀ VIỆT NAM
- NGÔN NGỮ NHẬT LINH
- SÂM THƯƠNG (truyện dài)
- THUYỀN VẪN TRÔI (đoản thiên)
- SUỐI LỒ Ồ!
- HIỆN TRẠNG NỀN GIÁO DỤC V. N.
- VÀ NHIỀU BÀI KHÁC...

Đêm thu, gió lọt song đào,

Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời! (Đoạn Trường Tân Thanh)



Khi các nhà chính trị xem thiên văn!..

26 tháng ba năm 1964 : ngày khởi đầu một phiên tòa lịch sử Tòa Án Cách Mạng mở phiên khai mạc tại Pháp đình Huế. Bản cáo trạng đầu tiên đã buộc tội những can nhân Ngô đình Cán, Phan quang Đông.

Nhưng trước lịch sử pháp đình cũng như trước lịch sử dân tộc, đây không phải một vụ án của những cá nhân, đây là một phiên tòa Xứ Cả Một Chê Độ. Một chê độ đã từng mạo nhận là Cách mạng nhân vị. Một chê độ đã từng lạm dụng và lợi dụng tất cả mọi hình thức, tất cả mọi nội dung. Chê độ đó đã sụp đổ. Nhưng các can nhân phạm pháp đang còn, các can nhân đang đứng đó hữu hình hay vô hình trước Tòa Án Cách Mạng. Nhưng liệu những can nhân ấy đã đủ để tiêu biểu cho tội ác của chê độ chưa ? Chắc chắn là chưa.

Sự hiện diện của Phan quang Đông chỉ là sự kết tội một tiến trình những gian ác, bắt công, áp bức, sát nhân, kinh tài. Phan quang Đông chưa phải là cái đỉnh của Tòa Án Cách Mạng. Điểm tuyệt độ của tội ác chính là vụ tàn sát kinh khủng trước đài Phát Thanh Huế đêm Rằm tháng Tư năm Quý Mão : và can nhân chính là Đặng Sĩ. Đặng Sĩ : cái tên không thể quên được trong lương tâm dân tộc và trong lương tâm thế giới.

Tòa Án Cách Mạng chính là lương tâm của dân tộc. Và vì tội ác của Đặng Sĩ đã làm rung động cả và nhân loại, nên Tòa Án Cách Mạng cũng là lương tâm của thế giới. Xứ Đặng Sĩ không có nghĩa báo thù. Xứ Đặng Sĩ không có nghĩa làm mất thanh bình tôn giáo. Tôn giáo chỉ tồn tại trong lòng dân tộc, nên xứ Đặng Sĩ là đem lại thanh bình cho lương tâm dân tộc, và cho tôn giáo khỏi phải mang trên vai di hận tinh thần.

Chê độ cũ đã đi từ những bạo tàn của Ngô đình Cán, Phan quang Đông đến vụ thâm sát của Đặng Sĩ. Từ máu lệ cá nhân đến máu huyết của toàn dân tộc. Dân tộc đang đòi xét xử. Lương tâm tổ quốc và lương tâm nhân loại sẽ còn mãi quần quại đau thương, nếu Tòa Án Cách Mạng không hoàn thành trọng trách của mình trong vai trò phán xét một chê độ.

Dân tộc và nhân loại đang chờ đợi ở Tòa Án Cách Mạng Một Bản Án Công Minh đem lại Thanh Bình cho tất cả.

LẬP TRƯỜNG

Quản-ly : NGUYỄN-THỊ-TRANG

Tòa-soạn: 17-B Lý-Thường-Kiệt — HUẾ

Hộp thư : 54

VỤ ÁN LỊCH SỬ: NGÔ-ĐÌNH CẦN — PHAN-QUANG ĐÔNG



Bị can PHAN QUANG ĐÔNG

Mới 7g30 sáng, sân Pháp đình đã đông nghịt những người. Ngoài đường dân chúng lũ lượt kéo nhau về phía Tam-tòa. Chung quanh Pháp đình, xe cộ không được qua lại. Người ta nô nức là phải! Người ta đi coi bằng chứng cụ thể của Cách-mạng. Người ta muốn chứng kiến ngày đến tội của hai kẻ hung thần miền Trung: Ngô đình Cần và Phan quang Đông, nhất là Ngô đình Cần.

Trời Huế mây hôm trước đang nặng bỗng mưa to. Nhưng mưa như thế lại càng chứng tỏ lòng căm thù của dân chúng miền Trung.

Phải thấy hàng ngàn con người đứng trong mưa lạnh chầm-chú chờ đợi phiên Tòa mới hiểu rõ ràng tuy chế-độ cũ đã chấm dứt từ 5 tháng nay, lòng uất-hận của dân-chúng vẫn không hề nguội lạnh.

Trong phòng xử, các luật sư đi đi lại lại. Các phóng viên ở Sài-gòn ra, sẵn sàng máy ảnh và bút máy ở tay. Chờ đợi.

NGHI LỄ

8g15. Một hồi chuông reo lên. Tiếng hô bóng súng vang dậy. Từ phòng Chánh Thám, ông chánh thám Lê văn Thu tiến ra, nghiêm trang trong bộ áo đỏ, mũ trắng, mũ hai viền. Ông Chương lý, Thiệu tá Nguyễn văn Đức sáng rực lên trong bộ quân phục trắng, màu trắng duy nhất trong thế giới của những người áo đen. Ông Chánh thám tuyên bố tòa án Cách mạng công khai khai mạc và truyền thừa phát lại mời các vị phụ thẩm quân nhân và dân sự vào. Bốn vị phụ thẩm quân nhân (3 đại tá và 1 trung tá) đứng bên tay mặt ông Chánh án, 4 vị phụ thẩm nhân dân đứng bên tay trái. Ông Chánh án đọc lời tuyên thệ và các vị phụ thẩm long trọng đưa tay mặt nói to: « Tôi xin thề ». Thề là xong nghi lễ.

Thất vọng: NGÔ ĐÌNH CẦN vắng mặt.

Thừa phát lại gọi vụ số 1: Ngô đình Cần và Phan quang Đông, Ngô đình Cần vắng mặt. Có tiếng xì xào vang dậy trong đám dân chúng đang đứng nghệt trước sân Pháp đình. Người ta đã đi từ sớm, đứng dưới mưa để chờ đợi giây phút mong ước từ bao lâu nay: thấy mặt Ngô đình Cần. Không phải Ngô đình Cần ăn trâu bóm bém trên sập gụ trong xóm Phú Cam hay đứng đình cầu cá dưới bệ Thuận an mà là Ngô đình Cần tay bị xiềng đi giữa hai hàng Cảnh sát. Nhưng người ta đã thất vọng vì Cần vắng mặt.

Thừa phát lại gọi tên Phan quang Đông. Đông được mở khóa tay, từ từ tiến lên vành móng ngựa. Tay trùm mặt vụ của Ngô đình Cần ra tòa trong bộ áo len xám tro, quần xanh, chân đi giày đen. Tóc Đông rời, nhưng bộ diện thật bình tĩnh. Nhìn Đông không ai có thể nghĩ rằng đó là tên trùm mặt vụ giết người khét tiếng. Đông còn trẻ, trẻ lắm, mới 36 tuổi đầu! Mặt Đông thông minh, trán cao, dáng người nhỏ nhắn. Người ta tưởng rằng đó là một thư sinh. Đông bình thần nhìn các người sắp xử xét mình, tay chấp trước bụng, mắt mở to trước những tia « flash » nhấp nháy tới tấp.

Bên ngoài dân chúng la ó vang lên: « Đả đảo Phan quang Đông! »

Ông Chương lý đứng dậy nhìn về ông Chánh thám:

— Vì Ngô đình Cần vắng mặt trong phiên tòa hôm nay nên Công tố viện yêu cầu tòa tách vụ Ngô đình Cần — Phan quang Đông ra làm hai vụ khác nhau vì hôm nay tòa chỉ xét xử vụ Phan quang Đông mà thôi.

Ông Chánh thám nhìn các vị phụ thẩm rồi đứng dậy tuyên bố: Tòa rút lui vào phòng trong để nghị án. Lúc đó

là 9 giờ kém 15. Trong phòng xử án, các luật sư nhỏ to trò chuyện với nhau. Đông được phép ngồi xuống giữa hai hiến binh, đầu cúi xuống.

Bên ngoài, sân Pháp đình càng lúc càng đông. Trời mưa tầm tã. Lát đất một vài chiếc dù được trương lên, còn thì hầu hết dân chúng đều đứng phơi đầu dưới trời mưa. Người ta lại tiếp tục bàn tán về sự vắng mặt của Ngô đình Cần.

9g5! chuông reo. Ông Chánh thám và các vị phụ thẩm lại từ từ tiến ra. Dân chúng bên ngoài lại la ó vang lên: « Yêu cầu xét xử Ngô đình Cần ». Thừa phát lại gọi vụ Phan quang Đông. Phan quang Đông tiến lên Micro nói rất rõ ràng, bình tĩnh:

— Thừa ông Chánh án, Thừa quý tòa, tôi, Phan quang Đông, sinh ngày... quán làng...

Ông Lục sự đọc án lệnh đưa Phan quang Đông ra tòa và bản cáo trạng.

Bản cáo trạng dài quá, có nhiều chữ lại nhấp nhem nên tuy ông Lục sự đã lấy gương lau mấy lần mà vẫn đọc vấp vấp. Bản cáo trạng không được dân chúng chăm chú theo dõi. Các vị phụ thẩm ngồi tản mạn lật từng tờ hồ sơ. Luật sư Vũ đảng Dung — người lãnh phần biện hộ cho Đông — ngồi cúi đầu bóp trán, tuy vậy khi ông Lục sự đánh vần đến đoạn: Phan quang Đông báo đảng lên cho cụ cõ vắn định đoạt thì cứ tọa cười vang. Cứ tọa cũng cười thích thú khi ông Lục sự đọc lộn tên Phan quang Đông ra tên Phan quang Đán!

Ông Lục sự chầm dứt bản cáo trạng lúc 10g kém 5.

NHỮNG LỜI NÓI ĐẦU CỦA ÔNG CHÁNH ÁN

Ông Chánh án: — Bị can đã nghe rõ những tội phạm đã phát. Bị can có quyền bào vệ.

Ông Chương lý yêu cầu gọi tất cả nhân chứng ra. Có đến 15, 20 người. Trong số các nhân chứng thấy có hai bác sĩ: Lê khắc Quyền và Lê văn Diễm.

Ông Chánh án: Bị cáo Phan quang Đông, bị cáo có nhận tội mưu sát ông Trần bá Nam không? Bị cáo có nhận đã tra tấn Trần bá Nam đến chết không?

Phan quang Đông trả lời nhỏ quá khiến dân chúng bên ngoài gào lên: « nói to lên ».

Phan quang Đông: Tôi không nhận.

Chánh án: Thề làm sao mà ông Trần bá Nam đã chết?

Phan quang Đông: Tôi bắt ông Nam do lệnh của ông Ngô đình Cần, lệnh đó do Hồ đặc Trọng truyền lại. Tôi đó,



Nhân chứng kiêm Bị can HỒ ĐẶC TRỌNG

tôi có gọi ông Nam lên nói cho ông ta biết những tội của ông, chính sách tàn bạo của Pháp trong 80 năm đó hệ, tôi kêu gọi lòng yêu nước của ông ta và khuyên ông ta nên nghĩ đến tiền đồ của dân tộc Việt Nam (dân chúng cười vang). Sau khi nói chuyện xong tôi giao cho hai nhân viên phụ trách thẩm vấn. Họ làm việc hết sức khách quan. Chiều đến một nhân viên đến báo tin cho tôi biết ông Trần bá Nam đã tự tử. Ông Trần bá Nam xin phép nhân viên canh gác cho đi ra ngoài và nhảy xuống giếng chết. Ông Nam được chôn xuống bệnh viện Huế, được bác sĩ Diễm cứu chữa nhưng không kịp.

Ông Chánh án: Bị can đã tra tấn ông Nam đến chết. Phan quang Đông: không bao giờ tôi dùng giếng đó để tra tấn. Chúng tôi trước đó cũng không biết đến cái giếng ấy.

Chánh án: khi khám nghiệm người ta thấy trong phổi ông Nam có nước, như vậy người ta nghi ngờ rằng chính bị can đã đem nạn nhân xuống nước cho đến chết.

Dân chúng thất vọng vì NGÔ-ĐÌNH CẦN VẮNG MẶT TRONG PHIÊN XỬ

ngày 26-3-1964

Dùng chữ « thất vọng » e rằng hãy còn nhẹ. Phải nói là bật mồm mới đúng.

Tin Ngô đình Cần bị đưa ra xét xử trong phiên tòa ngày 26-3-1964 cho đến phút cuối cùng vẫn được giữ kín, không có báo nào hay cơ quan nào của chính quyền loan tin đó. Nhưng chỉ cần một người dân Huế biết là hằng trăm, hàng ngàn, hàng vạn dân chúng Huế biết ngay trong chốc lát. Bởi vì lâu nay người ta chỉ đợi có thế.

Chúng tôi thấy có bốn phận nói lên đây lòng bất mãn của dân chúng. Chúng tôi đề nghị:

1) Hãy gấp rút đưa Ngô đình Cần ra Huế xét xử trong một phiên tòa rất gần đây;

2) Nếu vì một lẽ nào đó, việc chuyển chớ Ngô đình Cần ra Huế không thể thực hiện được, Chính quyền phải trình bày rõ ràng để dân chúng thấu hiểu. Lúc này không bao giờ nên để cho dân chúng thất-mắc. Tâm trạng thất-mắc hiện giờ là một mảnh đất tốt để bọn phá hoại gieo những tin tức xuyên tạc.

Chúng tôi tin rằng dân chúng Huế háng-hái với Cách-mạng nhưng không phải vì thế mà trở thành vô kỷ luật. Dân chúng sẵn sàng nghe theo Chính quyền khi tin rằng Chính quyền có thiện chí. Dân chúng sẵn sàng thông cảm nếu biết rõ những nỗi khó khăn của Chính quyền.

Vậy thì dân chúng đang nghe đây — nghe với tất cả lòng hiểu biết — Chính quyền hãy nói lên cho dân biết rõ ràng vụ Ngô đình Cần.

LẬP TRƯỜNG

Phan quang Đông: Không bao giờ có chuyện chìm nước. Không thể chìm được vì giếng sâu lắm. Khi ông Nam nhảy xuống, các nhân viên của tôi có tìm cách vớt lên nhưng ông Nam to lớn và nặng quá không ai vớt lên kịp (dân chúng bên ngoài la to: Đả đảo Phan quang Đông!).

Ông Chánh án: Nếu nạn nhân có tự tử đi nữa thì cũng là bởi vì tra tấn dã man quá không chịu nổi.

Phan quang Đông: Tôi không có tra tấn ông Nam. Tâm lý của những người làm gián điệp khi bị bắt là nghĩ đến chuyện tự tử, bởi vì họ nghĩ rằng làm gián điệp là phản quốc, là đáng tội chết.

Ông Chánh án: Cái chết của Trần bá Nam là một cái chết mờ ám không minh bạch, bởi vậy mà có sự giấu diếm.

Phan quang Đông: Tôi nghĩ không có gì là ám muội cả. Y làm gián điệp và chính tôi đã khám phá ra cái tổ gián điệp lớn lao đó.

ÔNG CHƯƠNG LÝ LÊN TIẾNG

VỤ GIÁN ĐIỆP

Không khi Pháp đình đang buồn tẻ thì giọng của ông Chương lý sang sảng cất lên.

Ông Chương lý, người Bắc nói với một giọng rất thanh thản, hùng hồn và suy luận rất có mạch lạc. Phải có một ông Chương lý như thế mới trấn áp được một bị can đầy mãnh liệt khôn ngoan.

Ông Chương lý: Phan Quang Đông đã khai lộng bóng Tòa án Cách mạng vẫn tôn trọng thủ tục tự do dân chủ nhưng Đông cũng như Cần đã ngoan cố không nhận những tội ác của mình, những tội ác gây ra không biết bao nhiêu là thảm cảnh. Công tố viện không cần nói nhiều. Các nhân chứng đồng ý ở đây đủ để chứng tỏ tội ác của Phan quang Đông. Trước hết bị can có tin rằng vụ gián điệp này có thực hay không?

Phan quang Đông: Thừa ông Chương lý...

Ông Chương lý: Trả lời thẳng

Phan quang Đông: Tôi tin là có thật. Vì tiền đồ của đất nước tôi cần phải nói lên sự thật trước âm mưu của Pháp.

Dân chúng cười vang.

Ông Chương lý bèn trình trước tòa một tài liệu tôi mới đến phút chót mới tìm ra. Tài liệu này công an đã bắt được khi kiểm soát văn phòng chỉ đạo của Ngô đình Cần. Đó là một bức mật điện số 486 ngày 26-9-1957 của Bác sĩ Trần kim Tuyên gửi văn phòng cơ quan chỉ đạo. Đại khái mật điện (xem tiếp trang 4)

BẢN CÁO TRẠNG CỦA TÒA ÁN CÁCH MẠNG

L.T.S. Bản cáo trạng này đã được lục sự Nguyễn Văn Tâm tuyên đọc tại Tòa Án Cách Mạng (Pháp Đình Huế) hôm khai mạc và do bản báo phóng viên ghi chép lại

— Chiều DỤ số 4 ngày 18-10-1949 tổ chức Tư Pháp Việt-Nam;

— Chiều Sắc-Luật số 4-64 ngày 28-2-1964 thiết lập Tòa-án Cách mạng.

— Xét rằng Ông Dự-Thẩm Tòa án Cách mạng đã thẩm vấn vụ Công-tò-Viện kháng :

A) **NGŨ ĐÌNH CÁN**, nguyên cô-văn chỉ-đạo các đoàn-thể chính trị Trung-phần, sinh năm 1911 tại Huế, con của Ngô đình Khả và Phạm thị Thân, chánh-quản làng Đại-phong, quận Lệ Thủy, tỉnh Quảng-bình, độc thân, không tiền án (bị giam).

B) **PHAN QUANG ĐÔNG**, nguyên kỹ-thuật-viên sở nghiên-cứu chánh-trị Phủ Tổng-thống, sanh năm 1928 tại Lê-dĩnh, Hương-sơn, Hà-tĩnh, ngụ tại 4 Lê-lợi Huế, có vợ 1 con, con của Phan quang Cư và Đậu thị Ba, không tiền án (bị giam).

1) Bị can **NGŨ ĐÌNH CÁN** bị truy tố về tội : "Muru-sát", "Cò-sát", "Bắt giam trái-phép", "Sách thủ tiền tài", "và Lũng đoạn Kinh-tế Quốc-Gia bằng hành động kinh-tài bất hợp pháp" (do án-lệnh ra Tòa đề ngày 21-3-1964 của Ông Dự-thẩm Tòa-án Cách-mạng).

2) Bị can **PHAN QUANG ĐÔNG** bị truy tố về tội : "Muru-sát", "bắt giam trái phép", "sách thủ tiền tài", "và lũng-đoạn Kinh-tế Quốc-gia bằng cách hành động kinh-tài bất hợp pháp" (Do án-lệnh ra Tòa ngày 21-3-1964 của Ông Dự-thẩm Tòa án Cách mạng).

Theo cuộc thẩm-vấn thì các việc đã xảy ra như sau :

I. VỀ CÁC VỤ « CÒ-SÁT » NGUYỄN-ĐẮC-PHƯƠNG (1957) « MUU-SÁT » TRẦN-BÁ-NAM (1958) VÀ VÔ-CÔN (1959)

A. — Vụ cò-sát NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG : (16-5-57)

NGUYỄN ĐẮC PHƯƠNG là cháu khoán ở Huế bị vu-cáo chứa chấp thuộc phiến lậu và làm gián-điệp cho Pháp.

Ngày 12-5-57 mật vụ tới lục soát nhà Ô. Phương không bắt được gì, lập biên bản vi-băng rồi ra về. Sau đó C.S. Trương ở Huế, Trần Văn Hương và Hồ-đắc Vang tới đưa Ô. Phương và người thư-ký là Nguyễn Chung đi biệt tăm.

Ngày 17-5-57, Đinh thị Hồng là vợ của Nguyễn Đắc Phương được tin chồng chết, xác dề tại Bệnh-viện Huế. Trần Văn Hương cho biết nạn nhân đã tự tử hồi 2 giờ sáng 16-5-57; Bà Hồng xin xác về chôn cất nhưng Trần Văn Hương không cho nói để nhà chức trách liệu. Sau đó các công tác trước kia nạn nhân được đầu thâu đồ dề đều bị lấy lại mà không được bồi thường trong đó có công tác trùng tu điện Thái-hòa (Đại-nội Huế) gần xong chi-phí khoảng 2 triệu. Dự luận cho rằng Ngô đình Cán ra lệnh sát hại Ông Phương để công tác đầu thâu lọt tay bà Cả Lê và đồng bọn.

Cán lấy cớ Ô. Phương có lên Khe-Sanh mua gỗ của hàng cửa người Pháp để gán cho Ô. Phương tội chứa chấp phiến lậu và làm gián-điệp cho Pháp.

Ngày 20-5-57 xác Ô. Phương được chôn ở Chùa Tây-Thiên, cách Huế 5 cây số, do mật-vụ lo liệu. Sau đó mật vụ canh gác nhà của nạn nhân, khám-xét người ra, vợ, ghi tên vô sổ, 8 tháng sau mới thôi.

Trần Văn Hương Cảnh-sát Trưởng ở Huế nói với bà Hồng là chồng bà khai cho bà cũng làm gián-điệp, Hương bắt bà Hồng ký 3 tờ cam kết đánh máy sẵn :

— Không được thổ lộ cái chết của Ô. Phương cho ai biết;

— Không được thưa gởi, kiện tụng về cái chết đó;

— Bắt lực trong công-tác trùng-tu điện Thái-Hòa, xin trao lại cho Chính phủ.

Hương dọa nếu không ký, có thể bị tru-di tam tộc, sợ hãi, bà Hồng phải ký.

PHAN QUANG ĐÔNG khai rằng Nguyễn Đắc Phương bị bắt là do Nha Cảnh sát Trung Nguyên Trung-phần và việc khai thác tên Phương được giao phó cho Vũ đình Ban phụ-trách. Sau đó, y có nghe thấy ông Hương, Cảnh sát trưởng Huế và ông Lê-khác Duyệt, Giám-độc Công-An Trung-phần nói cho biết rằng Phương đã nhảy lầu tự tử chết.

— Nhân chứng **VŨ ĐÌNH BAN** khai rằng : Ngô đình Cán đã giao cho Hồ Đắc Trọng điều tra vụ Nguyễn Đắc Phương. Nhân chứng được Trọng giao cho công việc thẩm vấn. Sau khi Phương làm tờ khai thành khẩn, nhân chứng trao tờ khai này cho Trọng. Sau đó hồi 10 giờ, nhân chứng đi ngang qua bệnh-

viện Huế thì được Lê-Hoạt cho biết tin Nguyễn Đắc Phương tự-tử, được đưa vào bệnh-viện và chưa chết hẳn.

Nhân chứng nghe nói Ông Phương nhảy lầu tự-tử nhưng thăm tâm nghĩ rằng Ông Phương đã bị xô xuống đất. Lý do nghi kỵ là Ông Phương khi mới bị bắt gặp nhân chứng, vẫn vui vẻ như thường không hề tỏ vẻ chán nản.

Theo nhân chứng thì những người nhận lệnh của Cán xô Phương từ lầu xuống đất là **LÊ HOẠT** và **TRẦN VĂN HƯƠNG**, sớ dĩ có việc Ông Cán ra lệnh xô Ông Phương là vì Ông Phương đã được đầu thâu tu-bỏ điện Thái-Hòa và những công-tác khác, trong lúc bà Cả Lê không được đầu thâu.

— Nhân chứng **HỒ ĐẮC TRỌNG** khai rằng : về việc ra lệnh bắt Nguyễn Đắc Phương thời Ngô đình Cán không báo nhân chứng chuyển lệnh cho Ông Hương, cảnh sát trưởng hồi 1957, hoặc có ra lệnh thời nay lâu ngày nhân chứng cũng không nhớ. Tuy nhiên Ông Cán có giao cho tên Ban điều-tra vụ Nguyễn Đắc Phương buôn thuốc phiện lậu. Cách 5, 7 hôm sau, Ban có tới nhà nhân-chứng nhờ trình với Cán rằng tên Phương đã nhảy lầu tự tử, vô sớ. Nhân chứng có trình lại thời Cán nói với nhân chứng báo Ông Hương lo giấy tờ cho hợp pháp. Nhân chứng liên lạc với Hương thời Hương đã làm xong rồi.

— Về việc ra lệnh bắt Nguyễn Đắc Phương, thời với tư-cách thư ký văn-phòng của Ngô đình Cán, nhân chứng biết rằng *mọi chỉ-thị mọi lệnh bắt người đều do Cán ra lệnh và phải hỏi ý-kiến của Cán nếu các cơ-quan an-ninh muốn bắt ai, từ Tòa Đại-Biểu đến Ông Giám-độc Công-an hoặc Ông Tỉnh-Trưởng đều phải làm như vậy cả.*

— Bị can **NGŨ ĐÌNH CÁN** khai rằng y không hề ra lệnh cho Trần Văn Hương đi bắt Nguyễn Đắc Phương giao cho Vũ đình Ban để thẩm vấn. Y biết rằng Phương có bị bắt và người nhà của tên Phương có đến nhờ Y can-thiệp trả tự do cho hẳn. Y có can-thiệp với Trần Văn Hương, Trưởng ty Cảnh-sát Thừa-thiên hay với Ông Trưởng ty Công an Huế, nay Y không nhớ rõ, về sau này Y nghe đồn rằng Phương đã tự tử chết. Y không hiểu vì lý do nào mà Vũ đình Ban đã khai là Y đã ra lệnh cho Lê Hoạt và Trần Văn Hương xô Phương từ lầu xuống đất chết.

— Nhân chứng **VŨ ĐÌNH BAN** khai thêm rằng Hồ Đắc Trọng có nói với nhân chứng là Ngô đình Cán đã ra lệnh bắt giam Ông Phương vào tháng 5-57. Trọng là bí thư của Cán.

— Giấy khai tử của Nguyễn Đắc Phương được kèm vào hồ sớ;

— Giấy chứng tử ghi rõ là nạn nhân bị nhiều vết trầy, vỡ sớ, chảy máu nhiều ở lỗ tai phải.

— Nhân chứng **NGUYỄN VĂN LONG**, công-an-viên khai rằng sau khi Phương chết, nhân chứng chạy lại phòng giam của Phương xem thì thấy có thùng nước, có nước đã lan tràn thời nhân chứng chắc rằng thể nào Phương cũng bị trói và đổ nước.

— Nhân chứng **NGUYỄN VĂN LỘC** công-an-viên khai rằng có trông thấy Lê Văn Dư và Vũ đình Ban tự tay tra tấn Phương ban đêm bằng cách trói chân Phương vào ghế gỗ và đổ nước vào miệng. Qua sáng hôm sau, Hồ Đắc Vang có cho nhân chứng biết rằng Phương đã nhảy lầu tự tử.

— Nhân chứng vợ nạn nhân là **ĐINH THỊ HỒNG** khai rằng nếu chồng nhân chứng quả thực có nhảy lầu tự-tử thì tại sao bọn mật vụ không cho nhân chứng nhận xác chôn về chôn cất.

Nhân chứng xin Tòa buộc bọn Ngô đình Cán và bộ hạ phải bồi thường cho nhân chứng số tiền là 5 triệu đồng để sinh sống nuôi con, vì sau khi chồng chết, nhân chứng bị khánh tận cho đến nay đã 7 năm.

— Bị can **NGŨ ĐÌNH CÁN** khai thêm rằng y có biết Nguyễn Đắc Phương làm cháu khoán ở Huế. Y cũng có gặp Phương 3 lần ở nhà Y. Khi Phương bị bắt người nhà Phương có đến nhờ Y can thiệp. Y có hỏi Phan quang Đông thì hẳn báo Phương làm gián-điệp cho Pháp, không thể tha được.

B. — VỤ MUU SÁT TRẦN BÁ NAM (Tháng 5-1958)

— Tháng 5-58, cháu khoán Trần bá Nam cùng vợ con đi xe hơi từ Savannakhet về Huế, xe chạy tới Lai Xan cách Huế 11 cây số, bộ hạ của Phan quang Đông và Ngô đình Cán rượt theo, một xe chạy sau, một xe qua mặt chặn đầu, ra lệnh bắt xe Ông Nam ngừng lại, xét hỏi giấy tờ, biểu ông Nam qua một xe của chúng chở đi, một người trong bọn chúng lái xe

Opel của Ông Nam, đưa vợ con ông này về Huế, rồi lái xe này chạy luôn.

Ông Nam bị giam ở sở vôi Long-thọ, bị gán tội làm gián-điệp cho Pháp và bị tra tấn.

Bộ hạ của Đông và Cán ép buộc ông Nam nhận tội làm gián-điệp để cưỡng đoạt tập chi-phiếu ba triệu đồng kíp do Ngân-kho Savannakhet cấp phát.

Không nhận tội làm gián-điệp, không chịu ký chi-phiếu, nạn nhân bị đánh đập dần dần chết thây bị liệng xuống giếng phía sau sở vôi Long-thọ, rồi bọn Cán và Đông phao tin Ông Nam tự tử. Tại Bệnh viện Huế mật-vụ của Ngô đình Cán cầm không cho thân-nhân Ông Nam dò thăm vài bao phủ thi-hải nạn-nhân, chúng ép buộc gia-đình nạn-nhân phải lo gấp việc tang táng. Đám táng bị nhân viên Công-an, mật-vụ theo dõi, nhà nạn-nhân bị canh gác để ngăn chặn mọi việc khiêu nại.

— Bị can **PHAN QUANG ĐÔNG** khai về việc Trần bá Nam chết, y không trình cơ-quan Tư-pháp khám nghiệm lập hồ-sơ là vì Y thuộc bộ phận chim, chỉ làm giúp cho Nha Tổng Cảnh sát Sài-gòn và Nha Cảnh-sát Huế, cho nên việc điều chỉnh hồ-sơ vụ chết của Nam là do hai cơ-quan ấy đảm nhiệm.

Trong vụ tên Nam chết, Ngô đình Cán đã báo y giao cho Nha Cảnh-sát Huế lo liệu giấy tờ nên Y phải tuân theo.

Việc bắt tên Nam về Long-Thọ là do lệnh của Ngô đình Cán. Sau khi cơ-quan của Y giải tán vào tháng 7-1963, Ngô đình Cán đã ra lệnh cho Y đốt tất cả hồ-sơ vụ gián-điệp Pháp. Về việc tên Nam chết, Y không tra tấn, nhân-viên Y có tra tấn hay không Y không biết.

— bị can **NGŨ ĐÌNH CÁN** khai rằng Y không hề ra lệnh cho Phan quang Đông bắt giam Trần bá Nam để khai thác vụ gián điệp Pháp.

— Trong cuộc đối chất với Ngô đình Cán, Phan quang Đông vẫn giữ nguyên lời khai trên.

— Nhân chứng **HỒ ĐẮC TRỌNG** khai rằng sau khi nhân-chứng và Đông về cửa Thuận an trình với Cán việc Trần bá Nam chết, Cán có báo Đông và nhân chứng lên nhờ Ông Lê khắc Duyệt làm giấy tờ cho hợp lệ. Vì vậy sau đó, Đông giao hồ-sơ vụ tên Nam cho ông Duyệt lập.

— Trong cuộc đối chất với nhân chứng Trọng, bị-can Ngô đình Cán không nhìn nhận lời khai của Trọng.

— Nhân chứng **HỒ ĐẮC TRỌNG** khai thêm rằng mọi chỉ-thị mọi lệnh bắt người đều do Ngô đình Cán ra lệnh và phải hỏi ý-kiến Ông Cán nếu các cơ-quan an-ninh muốn bắt ai. Từ Tòa Đại-Biểu đến Ông Giám-độc Công-an hoặc Ông Tỉnh trưởng đều phải làm như vậy cả. Việc bắt Trần bá Nam cũng do lệnh của Ngô đình Cán và do Đông bố-trí bắt. Mấy ngày sau Đông cho nhân chứng biết rằng Nam đã được chở đến Bệnh viện nhưng cứu không kịp nên chết rồi. Sau đó nhân chứng dẫn Đông về Thuận an trình Cán thì Cán báo Đông lên nhà Ông Lê khắc Duyệt, lúc đó làm Giám-độc C.A., lo giấy tờ hợp pháp.

— Bị can **NGŨ ĐÌNH CÁN** khai rằng có biết Hồ Đắc Trọng nhưng không bao giờ Y ra lệnh cho Phan quang Đông bắt Trần Bá Nam. Y không hiểu tại sao mà Phan quang Đông và Hồ Đắc Trọng lại khai man cho Y như vậy. Trọng và Đông không hề có thù oán chi với Y cả.

— Giấy chứng tử của nạn nhân Trần bá Nam được kèm vào Hồ sớ. Trong giấy này có ghi là phổi bị ứ nước, ứ huyết, hậu đầu và khí quản chính có bọt màu hồng và chất nhớt đen giồng như bùn.

— Giấy khai tử của nạn nhân Trần bá Nam được kèm vào hồ sớ.

— Vợ của nạn nhân Trần bá Nam là Châu thị Liên xin bồi thường tất cả 15 triệu đồng vì ông Nam để lại 6 đứa con vị thành-niên và vì chết đi nên đã phải bỏ dở công-tác của Chính phủ Lào đã giao phó.

— Bị can **PHAN QUANG ĐÔNG** khai thêm rằng về việc điều chỉnh hồ-sơ vụ Trần bá Nam chết, chính tay Y đưa mấy bản tự-thuật của Nam cho Ông Lê khắc Duyệt đòi hỏi để điều chỉnh hồ-sơ.

— Nhân chứng **CHÂU THỊ LIÊN**, vợ của nạn-nhân Trần bá Nam khai rằng khi nhận xác chồng của nhân chứng tại Bệnh viện Huế, nhân chứng thấy mặt chồng bị bầm tím hết và sưng to lên. Bọn mật vụ Phan quang Đông đã bắt buộc nhân chứng phải chôn chồng liền.

Lúc bị bắt, chồng nhân chứng có bị bọn Phan quang Đông tịch thâu 28.000đ00, 1 đồng hồ đeo tay (xem tiếp trang 14)

Vụ án lịch sử...

(tiếp theo trang 2)

nói rằng : ông có vấn đề Ngô đình Nhu đồng ý rằng về vụ gián điệp này chỉ tìm cách trục xuất bọn Pháp mà thôi. Câu quan trọng nhất trong bức mật điện là câu cuối cùng : Phải dàn xếp thế nào để người ta tưởng rằng vụ gián điệp này là *vrai semblable*, chứ không phải là một *coup monté* (nghĩa là có thật chứ không phải là giả tạo). Vậy, ông chương lý nói, vụ gián điệp này hoàn toàn là một việc giả tạo, là một *coup monté*. Cán Tuyên, Nhu, đều biết rõ như vậy. Bị can còn trơ trẽn mà chối nữa hay không ?

Dân chúng bên ngoài vỗ tay âm lên. Ông Chương lý đồng ý kết luận : Người ta có thành kiến cho rằng : Ngô đình Nhu ít học thức nên mới phạm tội ác còn học thức như Nhu, Tuyên thì không phạm tội. Thật ra cả bọn đều có tài dàn xếp, giáo dục như nhau. Chính Nhu, Tuyên đều biết rõ cả vụ gián điệp giả tạo này, chứ không phải do ý riêng của ai hết.

Pháp đình im lặng một lát, im lặng để nghe câu nói thâm thúy của ông Chương lý.

Luật sư Vũ Đăng Dung : Nếu là mật điện của Tuyên gửi cho Cán thì chỉ có một mình Cán biết được thôi, Đông là kẻ thừa hành, vậy làm sao Đông biết vụ gián điệp đó là giả tạo.

Ông Chương lý : Bị can bắt đầu điều tra với Tổng văn Đen, ta hãy xem thử bị can đã điều tra Tổng văn Đen như thế nào. Xin quý Tòa dờ lại lời khai của Phan quang Đông. Trong mấy bữa đầu Tổng văn Đen không khai gì hết. Đương sự liên bị tra tấn dã man : bắt thức đêm rồi rọi đèn 500 watt vào mắt, quay điện cho nạn nhân ngã xuống mặt sàn đất đầy sỏi nhọn trong ba tiếng đồng hồ, quay điện đèn 200 lần ! — đổ nước vào mắt, bắt ăn xà phòng. Những lời tra tấn đó chẳng để lại một vết tích nào, cuối cùng Phan quang Đông lại còn dàn cảnh để uy hiếp tinh thần nạn nhân. Y đem nạn nhân đến một chỗ hẻo lánh, bịt mắt lại rồi bày cảnh đặt ra một vụ hành quyết giả tạo (có tiếng súng nổ rồi có tiếng người la lên) để lung đoạn tinh thần của Tổng văn Đen. Đó là những phương pháp tởm của bọn Gestapo thời Đức quốc xã. Chính Đông điều khiển. Lung đoạn tinh thần nạn nhân như vậy thì báo gì mà nạn nhân không nhận. Như vậy làm sao Phan quang Đông không biết là một vụ gián điệp giả tạo khi không có ai nhận tội cả, cho đến lúc bị tra tấn và uy hiếp tởm dã man. Kết luận Phan quang Đông biết rằng đó là một vụ gián điệp giả tạo.

Luật sư Trị : Đông đã khai trước cảnh sát rằng : tôi công nhận vụ gián điệp Pháp là một vụ giả tạo nhằm tống tiền v.v.v...

Phan quang Đông : Lúc đó công an hỏi gì tôi nhận này vì những người đó trước đây đã bị tôi bắt, tôi chỉ khai theo ý họ thôi.

Ông Chương lý : Bị can thầy chưa, anh đã tra tấn người ta để bắt người ta nhận tội. Bây giờ người ta chưa thêm áp dụng biện pháp đó mà anh đã nhận.



Chương lý : Thieu tá NGUYỄN VĂN ĐỨC

Ông Chương lý còn hỏi Đông nhiều câu nữa, nhưng Đông đều chối hết. Đông còn đổ lỗi cho các nhân viên mà Đông cho là không có quyền kiểm soát khiến ông Chương lý phải bực mình gất lên.

Ông Chương lý : Giữa Đông và Cán có một điểm giống nhau : ngoan cố và gian xảo. Ngô đình Nhu thì khai rằng : mình không có chức vị gì trong chính quyền thì làm sao mà ra lệnh được. Lâm khi Cán phải van nài Phan quang Đông tha một một vài người. Bây giờ bị can cũng theo luận điệu đó : Cán không có quyền gì với Đông, Đông không có quyền gì với nhân viên. Anh coi đồng bào Thừa Thiên là con nít hay sao ?

Vì đồng bào Thừa thiên không phải là con nít nên đồng bào đã hoan hô câu nói dí dỏm của ông Chương lý.



Chánh thẩm : Ông LÊ VĂN THU

VỤ TRẦN BÁ NAM

Xong vấn đề gián điệp, ông Chương lý bắt đầu tấn công Phan quang Đông về tội mưu sát ông Trần bá Nam.

Ông Chương lý : Ai ra lệnh bắt Trần bá Nam ?

Phan quang Đông : Ông Cán

Ông Chương lý : Giật ở đâu ?

Phan quang Đông : Nhà với Long thọ.

Ông Chương lý : Ai thăm vấn đầu tiên ? Dùng biện pháp gì ?

Phan quang Đông : Tôi. Động viên tinh thần.

Ông Chương lý ngờ ngác, không biết động viên tinh thần là gì hỏi Phan quang Đông mới biết rằng động viên tinh thần tức là kêu gọi lòng yêu nước, lòng yêu nước tự nhiên trong tim mỗi người. Lời cắt nghĩa đó của Phan quang Đông đã được dân chúng đáp lại bằng một tràng pháo cười. Ông Chương lý nhân tiện đó, nhắc lại những danh từ hoa mỹ của bọn Phan quang Đông, Ngô đình Nhu hay dùng, ví dụ : biện pháp mạnh « để chỉ việc tra tấn dã man », cớ áo thực dân nghĩa là... làm tiền, kinh tài.

Ông Cán mà cũng biết dùng chữ hoa mỹ nhỉ ? Tương chỉ biết ăn trâu !

Trong vụ Trần bá Nam, Phan quang Đông chối không tra tấn gì cả. Trần bá Nam nhận tội ngay, tội gián điệp.

Ông Chương lý : Các nhân chứng cho biết rằng các nạn nhân của Phan quang Đông luôn luôn bị canh chừng cẩn mật. Mỗi khi nhân viên canh gác đi đâu thì xiêng nạn nhân lại. Ông Nam đã nhận là gián điệp nghĩa là thuộc vào loại nguy hiểm, vậy sao không xiêng xích ông lại, mà để ông ra ngoài tự do được ?

Phan quang Đông chưa kịp trả lời, ông Chương lý hỏi tiếp :

Ông Chương lý : Khi ông Nam chết, bị can liền đi đến tìm Cán ở cửa Thuận, có Hồ đặc Trọng đi theo, Cán báo ông Lê Khắc Duyệt, Giám đốc Công-an, điều chỉnh hồ sơ cho hợp lệ. Vậy nếu vụ gián điệp có thật, sao lại còn phải dấu diếm ?

Phan quang Đông ấp úng : Thưa quý Tòa, bác sĩ Tuyên, Tổng giám mục Ngô đình Thực...

Ông Chương lý ngắt lời : Ở đây là bị can hết, không có bác sĩ hay đức Tổng giám mục gì cả.

Lúc đó đồng hồ đã chỉ 12 giờ. Ông Chương lý đứng dậy xin tòa đình lại đến chiều. Ông Chánh thẩm chấp nhận. Tiếng hô bóng súng. Mọi người đứng dậy. Phiên tòa tan.

VẤN VỤ TRẦN BÁ NAM

3 giờ chiều, Tòa lại họp. Ông Chương lý mời vợ của nạn nhân Trần bá Nam ra đôi chất. Bà Nam cho biết bà phải năn nỉ lắm mới cho nhận xác chồng. Trong suốt thời gian khám liệm, bà không được tham dự.

Ông Chương lý yêu cầu lục sự ghi điều đó vào hồ sơ. Bà Nam cũng cho biết rằng ông Nam trước đó không hề công bố đời ông Cán, không đứng trong phe đối lập, không có mối lo ngại nào cả, không hề biết trước rằng có ngày mình sẽ bị bắt. Ông Chương lý xin tòa 3 phút để lấy ra một tài liệu mới, tài liệu mà biện lý cuộc đã chuyển qua trong phút chót, đó là mật điện số 955 ngày 21-7-1958 của Trần kim Tuyên gửi cho Phan-quang-Đông bàn về cách trả lời về cái chết của Trần bá Nam khi Ngô đình Nhu ra Huế hỏi. Đại khái mật điện này (tích thu tại văn-phòng Cán) nói rằng : ngày mai Ông Nhu ra Huế, vậy Phan-quang-Đông phải giữ liên lạc điện thoại chặt chẽ với Tuyên để bàn định cách trả lời cho Ông Nhu về vụ Trần bá Nam. Như vậy có sự liên lạc thường xuyên giữa Tuyên và Đông. Tuyên và Đông có chung một kế hoạch để trình bày về vụ Trần bá Nam. Ông Chương lý quay lại hỏi bà Trần bá Nam.

Ông Chương lý : Trong việc mai táng chồng bà, bà có gặp khó khăn gì không ?

Bà Trần bá Nam (vừa khóc vừa nói) : Họ trông tôi chôn cất cho nhanh chóng. Mật vụ có theo dõi và canh chừng người ra vào nhà tôi trong suốt 4 tháng liền như thế. Họ hăm dọa tôi phải để chôn vụ đó đi nếu không sẽ thủ tiêu.

Ông Chương lý long trọng lặp lại câu đó trước tòa.

Ông Chương lý mời Bác sĩ Lê-khắc-Quyền ra làm chứng.

Lời khai của Bác sĩ Quyền : một buổi sáng nào đó Bác sĩ quên mất ngày, bác sĩ được tin có nạn nhân chết ở bệnh viện, một cái chết thật khả nghi, lúc ấy có bà Nam ở đó, rồi bà Nam xin cho xem mật chôn, Công-an báo bác sĩ rằng nạn nhân ở Đà-lạt về chứ không phải ở Huế. Như vậy nghĩa là Công-an không muốn cho Bác sĩ biết rằng nạn nhân ở Huế. Theo lương tâm nhà nghề, bác sĩ làm *autopsie* (mổ thây) và chích kim trước mặt bác sĩ Điềm và các sinh viên cán sự y tế. Bên ngoài không thấy có thương tích. Mổ đầu, không thấy có thương tích. Mổ ruột bịnh nhân có nước trong bao tử, như vậy nạn nhân có thể chết vì ngộ độc, chết vì có nước vào phổi. Nên nhớ rằng khi chờ đến bệnh viện nạn nhân đang còn sống.

Ông Chương lý : Biên bản hiện bịnh cho biết rằng giềng rất hẹp, đường kính chỉ 1 thước, mức sâu chừng 2 mét, như vậy muốn vớt Trần bá Nam lên ít nhất cũng phải mất 15 phút.

Luật sư Trị : Xin Bác sĩ Quyền cho biết người rút xuống nước như thế bao lâu mới chết ?

Bác sĩ Quyền : 15 phút

Luật sư Trị : Ông Nam là người rất to lớn mà giềng thì rất hẹp như vậy muốn vớt lên phải tốn nhiều công phu và thời giờ vậy mà khi đến bệnh viện Ông Nam vẫn còn sống, điều đó chứng tỏ rằng KHÔNG HỀ CÓ CHUYỂN VỐT, nói một cách khác, ông Nam không hề rút xuống giềng mà là ở trên giềng, nghĩa là ông Nam bị tàn nước đến chết chứ không phải tự tử. Bác sĩ Quyền còn cho biết rằng không thấy vết thương gì bên ngoài, sọ và đầu của nạn nhân không dính bìn.

Ông Chương lý bèn đưa ra nhận xét : giềng hẹp, bề sâu 5m2, từ mặt nước xuống đáy là 2m mà ông Nam lại là người rất cao lớn, vậy có 2 giả thuyết : 1) hoặc ông Nam leo theo thành giềng mà xuống và xuống bằng chân nên mới không có thương tích, nhưng nếu thế thì nạn nhân đi tắm chứ không phải là tự tử.

2) Hoặc đâm đầu xuống, nếu thế thì làm sao mà lại không bị thương tích bên ngoài, làm sao sọ lại không bị thương, không có bìn nơi tóc, đầu của nạn nhân phải chạm đáy giềng chứ, hơn nữa đem ông Nam lên đâu có phải là việc dễ dàng, làm sao tránh khỏi sự xây xát được. Như vậy rất có thể Ông Nam bị đập đầu vào nước và chết vì ngộ độc.

Ông Chương lý xin cho gọi Bác sĩ Điềm. Bác Sĩ Điềm tá lại những giờ phút cuối cùng của ông Nam : Ông Nam nằm trên bàn, vùng vẫy đến nỗi các y tá phải xúm nhau lại để xuống. Để cho đương sự khỏi vùng vẫy, Bác sĩ Điềm đã chích một ống thuốc an thần, hình như là Phénergan, ông Nam vùng vẫy một hồi, rồi lịm dần và chết. Miệng đương sự có vết tím chứng tỏ rằng thiếu dưỡng khí.



Lục sự : NGUYỄN VĂN TÂM

Một phụ thẩm quán nhân bỗng hỏi Bác sĩ một câu, một câu vô cùng quan trọng : Bác sĩ thấy quán áo nạn nhân có ướt hay không ?

Bác sĩ Điềm : hình như KHÔNG ƯỚT

Cứ tọa ở lên một tiếng.

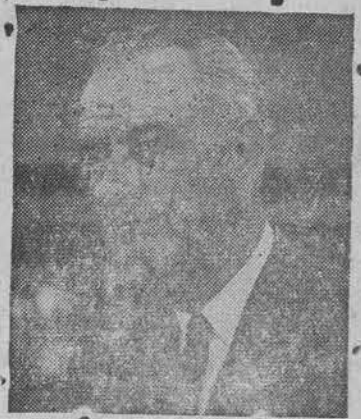
Ông Chánh án cho gọi nhân chứng Phan văn Thi.

Ông Phan văn Thi cho biết rằng, chính Phan quang Đông đã ra lệnh tra điện Nam và Nam đã lả quạ sức, một tên bộ hạ của Đông đã lấy maillot nhét vào miệng ông Nam, sấn đó diễn ra trước mặt ông Thi, Ông Thi cũng cho biết rằng nạn nhân không có cách nào tự tử được vì bị cùm tay, cùm chân và mật vụ ngồi canh cả đêm lẫn ngày. Ông Thi (xem tiếp trang 16)



VIỆT-NAM VÀ HOA-KỲ

của
CAO-LANG



chính thật là mối bận-tâm của Hoa-kỳ.

Chúng tôi mong rằng số người nghi ngờ đó ngày nay chẳng còn bao nhiêu. Bởi vì ngày nay chẳng còn ai nghĩ rằng có thể duy trì một khối Âu-châu tự do mà chẳng cần một khối Á-châu tự-do. Ngày nay cả thế-giới đều nằm trong một chiến-lược duy nhất, và nếu một phòng-tuyên nào bị thủng, cả hệ-thống chiến-thuật, chiến lược đều lâm nguy theo.

Hãy cứ ví-dụ rằng Á-châu lọt vào tay Cộng-sản; Hoa kỳ — và cả Âu-châu — sẽ mất gì? Mất tất cả những yếu-tố quyết-định để tạo thành một cường quốc. Hoa-kỳ và Âu-châu sẽ mất lãnh thổ, mất nguyên-liệu, mất nhân-lực và mất cả khả-năng kỹ-nghệ.

Mất lãnh-thổ, điều đó hiển nhiên. Mười lăm, hai mươi năm về trước, có lẽ chúng tôi đã dùng một danh-từ khác: «mất thuộc-địa».

Mất nguyên-liệu, điều đó cũng hiển nhiên. Chúng ta hãy cứ tưởng-tượng sắc mặt của người Mỹ, người Anh khi thấy một bàn tay đỏ từ-từ thò ra nắm lấy các mỏ dầu ở Trung Đông. Mà Á-châu vốn là xứ đầy nguyên-liệu chưa khai thác!

Mất nhân-lực: mất cánh tay của hàng tỷ người xưa nay vốn chẳng quen đòi hỏi nhiều.

Khả-năng kỹ-nghệ của Hoa-kỳ, trong mấy năm gần đây, không hơn Nga-Sô bao nhiêu, nay nếu mất thêm tất cả những yếu-tố trên, hậu quả sẽ ra sao, chắc Hoa-kỳ biết rõ hơn ai hết.

Đó là chúng tôi chưa kể đến một yếu-tố khác còn quan-trọng gấp bội mà chúng tôi sẽ nói đến sau: yếu-tố tâm-lý.

Kết luận, chúng ta thấy trước mắt: Trung-Cộng không thể nào không bành trướng thế lực ở Châu Á. Bành trướng thế-lực để chiếm nhân-công, chiếm thị-trường cạnh tranh với kỹ nghệ của Nhật-Bản. Số phận của Âu châu và Hoa-kỳ liên hệ với số phận của Á châu. Việt nam đang là một tiền đồn chống lại sự bành trướng đó. Cho nên Hoa-kỳ không thể để mất Việt-nam được.

3) Chúng tôi xin nói đến yếu-tố tâm-lý, yếu-tố mà chúng tôi cho là vô-cùng quan trọng.

Trước hết, Việt-nam là một sự thử-thách giữa hai lực-lượng Tự-do và Cộng-sản. Không có nước nào trên thế giới đang chống Cộng mãnh liệt như ở Việt-nam. Nếu Việt-nam mất, không nước nào còn tin-tưởng ở sức chiến-đấu của Thế giới tự-do nữa. Nếu Việt-nam mất, điều đó chứng tỏ rằng Cộng sản có thể xâm-nhập vào bất cứ quốc gia nào — xâm nhập ở Á-châu, xâm nhập ở Phi-Châu, và xâm-nhập cả ở các nước châu Mỹ La Tinh. Chu Ân-Lai vừa mới được các nước Châu Phi đón tiếp niềm nở; Castro đang làm mưa làm gió ở sát nách Hoa-kỳ. Hoa kỳ cần phải chứng-tỏ cho thế giới thấy rằng một quốc gia Á-châu nhỏ bé, nghèo-nàn, nội loạn là nước Việt-nam, vẫn có thể chiến thắng được Cộng sản nếu quyết tâm chiến-thắng.

Việt-nam cũng còn là một sự thử-thách giữa hai quan niệm Dân-chủ Tự-do và Độc-tài Cộng-sản. Hiện nay hầu hết các nước Á-Phi đều bị quyền rũ trước sự tiến bộ nhanh chóng của Trung Cộng. Nên theo đường lối độc-tài, đặng-trị của Trung Cộng, hay nên theo đường lối tự-do? Việt nam là mảnh đất thí-nghiệm đường lối dân chủ tự-do. Các quốc-gia chậm tiến khác trên thế giới đang nhìn về Việt-nam để theo dõi cuộc thí-nghiệm. Hoa-kỳ có trách-nhiệm trực tiếp trong cuộc thí-nghiệm này, cho nên sự thất bại của Việt-nam sẽ là sự thất-bại của Hoa-kỳ.

Nói tóm lại, trong mười năm nay, Việt-nam tượng-trưng cho ý-định quyết thắng của Hoa-kỳ. Hoa kỳ bắt tay giúp Việt-nam từ lúc Việt-nam vừa chập chững thoát ra khỏi ảnh hưởng của Pháp; từ đó Hoa-kỳ đã chứng kiến sự trưởng thành của Việt-nam, nỗi đau-khổ của dân-tộc Việt-nam, và đã tận-tình ủng hộ nỗ-lực chống Cộng ở Việt-nam. Việt-nam là một văn đề uy-tín, hơn nữa, một văn-đề danh-dự, đối với Hoa-kỳ. Nếu Việt-nam mất, danh-dự của Hoa-kỳ cũng mất, và uy tín của Hoa-kỳ cũng tan theo mây khói trước mắt các quốc gia nhược-tiểu.

Vì vậy đừng có lo chuyện Hoa-kỳ bỏ Việt-nam. Hoa-kỳ không dại gì đem chìa-khóa mở cửa Đông Nam Á — và cả Á-châu — giao cho Trung Cộng. Chúng ta chỉ lo một điều: lo người Việt-nam không chịu đoàn-kết để chiến đấu, lo chúng ta không giữ vững niềm tin ở tương lai.

Đó chính là nhiệm-vụ cấp-bách của chính-quyền cách-mạng: thấp lên lại ánh lửa tin tưởng trong lòng mỗi người dân. Đó cũng là ý thức nhiệm-vụ của toàn dân, toàn quân và nhất là của thanh-niên, Sinh-viên Học sinh hiện tại để chu toàn sứ mệnh lịch sử của mình trước những khản trương của tình hình xứ sở.

TRƯỚC ngày ông Bộ - Trưởng Quốc-Phòng Mc Namara qua Việt-nam, báo-chí Hoa-kỳ đã nhiều lần chỉ-trích chính-sách của Tổng - Thống Johnson về Việt-nam. Tổng - Thống Hoa-kỳ bị chỉ-trích là yếu ớt, do dự,

không cho nhân-dân Hoa-kỳ biết rõ về tình-hình Việt-nam, không dám có một quyết-định, một lập-trường minh-bạch trước tình thế cấp-bách ở Việt-nam. Tổng-Thống Johnson—theo tờ Time—lương-lự trước 4 nẻo đường:

1) Rút quân-đội Hoa-kỳ về nước, dưới hình-thức một sự thỏa-hiệp để «trung-lập hóa» Việt-nam. Một số chính-khách cao-cấp ở Hoa-kỳ đã bác bỏ giải pháp đó — ví-dụ Ngoại-Trưởng Dean Rusk gọi giải-pháp đó là «một hình thức đầu hàng» — nhưng cũng có một số người bị quan (trong đó có Thượng Nghị sĩ Mike Mansfield) muốn nghe theo luận-diệu của Tổng-Thống De Gaulle.

2) Tiếp-tục thi-hành chính-sách như từ trước đến nay, nghĩa là chỉ viện trợ và huấn-luyện quân-đội Việt-nam. Chiến-tranh ở Việt-nam là chiến-tranh giữa người Việt-nam với nhau, một cuộc chiến-tranh giữa du-kích và phản du-kích. Hoa kỳ hy-vọng sẽ rút một số lớn quân đội Hoa-kỳ về nước vào cuối 1965, khi quân đội Việt-nam đã được huấn luyện đầy đủ.

3) Dồn toàn-lực — cả nhân-lực lẫn tài lực — để quyết thắng. Như vậy Hoa-kỳ không phải chỉ đóng vai trò cố-vấn và huấn-luyện, mà sẽ gởi lực-lượng chiến-đấu sang Việt-nam để đánh nhau thực-sự với quân Cộng-sản. Hoa kỳ sẽ xem cuộc chiến-tranh ở Việt-nam như cuộc chiến-tranh của chính Hoa-kỳ.

4) Đánh thẳng ra Bắc-Việt. Du-kích Cộng-sản hoạt-động được ở miền Nam là nhờ sự tiếp-tê từ miền Bắc. Vậy phải chặn đứng sự tiếp-tê đó bằng cách tấn-công chính chỗ phát xuất ra sự tiếp tê. Nếu cần, sẽ ném bom hoặc đổ bộ xuống các thành phố lớn. Giải pháp này tuy liều-linh nhưng rất quyền rũ, và càng ngày càng thắng thế trong dư-uận báo-chí Hoa-kỳ. Chính Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh cũng tỏ thái-độ của mình một cách gián tiếp: «Phương pháp phòng-thủ hay nhất vẫn là tấn-công»

Trong mấy tháng vừa qua, chiến trường ở Việt-Nam đã trở nên khốc-liệt nhất từ 1954 đến nay. Việt-Cộng gia tăng hoạt-động cả trên 2 lĩnh-vực quân-sự và tuyên-truyền. Trước tình-thế đó, một số người chán-nản — ở Hoa-kỳ cũng như ở Việt-nam — đã vội nghĩ đến giải-pháp thứ nhất tức là giải-pháp Trung-lập hóa Việt-nam để quân-đội Hoa-kỳ lạng-lẽ rút về.

Ông Mc Namara đã xóa tan cái viễn-trợng u-ám đó khi đồng-dặc tuyên bố trước hàng vạn dân chúng Việt-nam: «Hoa-kỳ sẽ chiến-đấu đến cùng ở Việt-nam, chiến đấu cho đến khi thắng lợi. Hoa kỳ đã quyết định viện-trợ Việt-nam — viện trợ *tối đa, vô giới hạn và vô điều kiện*». Chủ-trương quyết-thắng đó của Hoa-kỳ là chủ-trương hợp-lý. Hoa-kỳ không thể nào làm khác được. Hoa-kỳ phải chiến-thắng ở Việt-nam, không phải vì quyền lợi riêng của Việt-nam mà là vì quyền-lợi chung cho cả 2 quốc-gia. Chúng tôi đã nghĩ như vậy trước khi ông Mc Namara sang Việt-nam, và chúng tôi có đủ lý-do để nghĩ như vậy.

1) Trước hết, chúng ta hãy nhìn vào bản đồ: Cả một khối Trung-Hoa đó không lồ đè nặng trên vai các quốc gia Đông Nam Á — nhất là Việt-nam, Lào, Thái-Lan, Miên-Điện — như quả địa cầu trên vai anh chàng Atlas. Các khối vi-đại đó lúc nào cũng lăm-le tràn xuống miền Nam. Các bạn Hoa-kỳ đọc qua lịch-sử Việt-nam chúng ta chắc thấy rõ điều đó. Nước Việt-nam nhỏ bé này, trong mấy ngàn năm nay, đã cương-quyết xây một con đê để ngăn chặn làn sóng Trung-quốc. Có khi đê vỡ, và sóng tràn khắp lãnh thổ yêu quý của chúng ta. Nhưng khi sóng rút đi, chúng ta lại cùng nhau ra sức đắp đê vững hơn trước. Lần này, nếu đê vỡ, không phải chỉ riêng miền Nam nước Việt này ngập trong sóng đó: cả phần đất của Đông Nam Á châu cũng coi như mất hẳn — Miên-Điện, Thái-Lan, Lào, Căm-Bốt và cả Ấn-Độ, Nhật-Bản, Phi Luật Tân nữa.

Mười năm nay, chúng ta không phải chỉ chiến-đấu cho sự tồn vong của quê-hương chúng ta, chúng ta chiến-đấu cho sự tồn-vong của thế-giới tự-do nữa: Chúng ta chiến-đấu cho sự tồn vong của chính các bạn Hoa-kỳ. Các bạn giúp chúng ta, chính là các bạn giúp các bạn.

2) Chắc có người nghi ngờ tự hỏi: Có thật Á-châu quan-trọng đối với Hoa-kỳ đến thế không? Mất Á-châu, Hoa-kỳ còn cả Minh Ước Bắc Đại Tây Dương đó, còn cả khối Âu-châu vững chắc kia. Âu-châu mới

VĂN ĐỀ SINH NGỮ Ở ĐẠI HỌC

B.S. LÊ KHẮC QUYẾN

Tại Đại-học Việt-nam (Saigon, Huế hay bất cứ ở một tỉnh nào nay mai) Sinh-viên nên học bằng Việt-ngữ và giáo-sư Việt-nam phải dạy bằng Việt ngữ : đó là vấn đề chuyên ngữ.

Và chuyên ngữ không thể nào khác là Việt-ngữ ở quốc-gia Việt-nam.

Chỉ những người khi nào cũng chỉ có thể tư tưởng bằng ngoại ngữ (Pháp hay Anh) nói, nghĩ khác mà thôi.

Cho nên tôi tưởng không nên bàn đến vấn đề chuyên ngữ tại Đại-Học vì đó không phải là vấn đề.

Tôi chỉ muốn nói thêm là muốn thông Việt ngữ cần hiểu một số chữ nho — không phải biết viết biết đọc Hán-tự như ông Đồ Nho xưa. Vì chữ nho là do Hán-tự mà ra, mà Hán-tự là gốc cho cả một khối người rất lớn, gồm có văn-hóa Trung-hoa, Nhật bản — Đại hàn — và Việt nam.

Dẫu muốn, dẫu không, các danh từ khoa học hay khác, sẽ có một gốc chung cho tất cả các văn hóa nói trên.

Tuy nhiên, muốn đi theo kịp đà tiến hóa khoa học hiện đại, Sinh viên (cũng như giáo sư) phải đọc nhiều sách báo ngoại quốc. Như vậy cần phải biết sinh ngữ.

Sinh ngữ chính hiện nay cho khoa học là Anh ngữ, vì các nước tiên bộ nhất về Khoa học (kể cả y học) là Mỹ và Anh Quốc, và ta còn phải kể thêm Nga nữa.

Bên cạnh Anh ngữ là tiếng phổ thông cần thiết nhất Anh ngữ là tiếng quan trọng nhất cho khoa học tiên bộ, tân tiến, ta mới có thể nói đến Nga ngữ, Pháp ngữ Ipha nho và Đức Ngữ.

Với Anh ngữ, sinh viên Việt nam có thể đi du-học tại rất nhiều quốc gia trên thế giới, chứ với các sinh ngữ khác, thì du-học sinh chỉ có thể đến học tại một vài nước là cùng.

Sinh viên biết sinh ngữ với hai mục-đích chính : mục đích quan trọng nhất là biết đọc và hiểu, hiểu thấu đáo lý tưởng các sách báo viết bằng ngoại ngữ. Biết rõ, hiểu rõ để có thể diễn đạt rõ ràng, minh bạch bằng Việt-ngữ không có sự nhầm lẫn, chứ không cầu phải giảng bằng sinh ngữ. Đó là cho đa số sinh viên. Mục đích thứ hai là các sinh viên ưu tú, có thể là cấp lãnh đạo tương lai, sẽ biết sinh ngữ để đi du học, và biết sinh ngữ như thế là phải hết sức tường tận, biết nói rõ, nhưng khi trở về Đại-học Việt-nam không phải là để nói giỏi Anh ngữ cho Sinh viên Đại-học Việt-nam, mà là để giảng dạy lại bằng Việt-ngữ.

Nói một cách khác, sinh ngữ chỉ là một phương tiện hấp thụ văn hóa, khoa học ngoại quốc, chứ không thể là một chuyên ngữ được cho một Đại-học Quốc-gia.

Mục đích chính của Đại-học Việt-nam là đào tạo những bộ óc biết suy luận bằng Việt-ngữ, biết diễn đạt bằng Việt-ngữ. Và với chuyên ngữ Việt mới có thể đào tạo nhiều và nhanh cán bộ xây dựng xứ sở.

B.S. LÊ-KHẮC-QUYẾN

Chén thuốc đắng

Nhảy nhảy nhảy... chúng ta cùng nhảy...

Xin các bạn yên chí, không phải nhảy dầm đầu ! Cũng không phải nhảy dù. Bởi vì nhảy dù từ trên xuống dưới. Ở đây, ngược lại, người ta nhảy từ dưới lên trên. Nhảy theo lối này thì từ xưa đến nay,, tôi chỉ phục có một mình con khỉ Tôn Hành-Giả. Con khỉ Tôn có biệt-tài nhảy lên mây mà đi : đánh nhau với yêu tinh cũng nhảy tốt lên mây mà đánh, mỗi khi Tam-Tạng mất tích, cũng « cân đầu vùn » đứng trên mây mà tìm.

Có ai ngờ rằng ở cái nước Việt-Nam sau ngày Cách-mạng này bỗng xuất hiện một người nhảy giỏi chẳng thua gì con khỉ Tôn Hành Giả không ? Con người xuất chúng đó là ông Phạm Hoàng Hộ. Ông Hộ là Tổng-Trưởng Giáo-Dục dưới trào Nguyễn Ngọc Thơ. Và ông tự thăng cho ông một lèo 3 trật ! Học nhảy tài thế, ắt là học theo phương-pháp gia-truyền !

Mấy năm trước đây tôi có đọc hai câu thơ của ông thi-sĩ Thanh Tâm Tuyền, hai câu trong trăm ngàn câu thơ mà không ai hiểu gì cả !

Có người cầm súng bắn vào đầu

Đạn nó nhíp ba không chết

Tôi xin đề-nghị sửa lại cho dễ hiểu hơn, và xin nghiêng mình kính tặng nhà lực-sĩ vô-dịch môn nhảy họ Phạm :

Có người cầm bút ký một lèo

Nhảy vọt nhíp ba không chóng mặt.

Bây giờ mới hiểu

Bây giờ tôi mới hiểu câu khôi-hài của Báo Ngày Nay xuất bản trước ngày 30-1-64. Báo này gọi Bộ Giáo-Dục là Bộ... Vô Giáo Dục.

BA CAO

QUÉT SẠCH BÓNG ĐEN

HOÀN-VŨ

những bóng đen

che ánh sáng mặt trời

đe dọa cây xanh đâm chồi nảy lộc

chúng đã cưỡi trên bao tiếng khóc

ở khắp nơi nơi

— Tổ quốc Việt-nam ơi

một dân tộc đã đau thương buồn tủi

vì phong kiến

vì ngoại xâm

vì độc tài

vì chậm tiến

đền nay còn đau khổ không thôi

vì những bóng đen

ở khắp nơi nơi

thành thị

thôn quê

giáo đường

quân ngũ

như những con quạ dữ

hí hửng khi thầy xác người

gục ngã bởi bất công cường quyền bạo lực

trong văn phòng

ngoài thị tứ

giữa đoàn thể

trên trung ương

những con người lưng thiếu xương

nịnh trên nạt dưới

những tiếng nói biến thành cụt lưỡi

vì phải xuyên qua những bóng đen này

những tâm hồn vì tổ quốc hăng say

đành thui chột trong âm thầm đau đớn

những thiện chí biến thành phản động

vì bóng đen đẩy đến chân tường

chúng mang bàn tay sắt bọc nhung

mỗi ve vuốt làm trầy da lóc thịt

Tổ quốc ta — suốt chín năm đau

vì chiến tranh ray rứt

vì độc tài áp bức

và những bóng đen

độc tài gục xuống khi cách-mạng bùng lên

lũ cộng quân chưa kịp giờ phản ứng

thì những bóng đen

đã đổi dạng thay hình

theo đoàn biểu tình hoan hô đả đảo

— Hỡi cách-mạng hãy biến thành cơn bão

quét mau mau rác rưởi thời tha này

cho mầm non đâm chồi nảy lộc

giữa mùa xuân

cho Đại-Gia-Đình dân tộc

được góp phần

bởi những bàn tay thấp nhất

sẵn sàng hiến thân

để chôn dứt chiến tranh

Tổ quốc Việt nam

— phải thông nhất hòa bình.

Chùa VU-LAN tháng 1-64

HIỆN TRẠNG NỀN GIÁO-DỤC MỸ THUẬT VIỆT-NAM

XUÂN-LINH

(tiếp theo)

BẢN THAM LUẬN CỦA NHÀ Đ. KHẮC NGUYỄN-GIA-KHÁNH

NHỮNG nghệ sĩ lão thành còn lại ở Phần đất Việt-nam tự-dóc có công lao với Mỹ-thuật Việt-nam, và hằng sống với nó, hằng theo dõi nó qua bao nhiêu cuộc thăng trầm, bên cạnh họa sĩ Nguyễn-gia-Trí, lặng lẽ, khiêm tốn, kiên nhẫn nhưng hiên ngang, còn có nhà Điều khắc Nguyễn gia Khánh thường gọi là George — Khánh, một nghệ sĩ nổi tiếng một thời, tuy mười năm lại đây ít người biết đến nhưng vẫn hằng hái nói đến vấn đề Mỹ-thuật Việt-Nam. Bản tham-luận của Nguyễn tiên sinh gửi cho chính quyền và gần đây được đăng lên Nhật báo « Thân dân » từ số 36 trở lui là một bằng chứng.

Qua bản tham luận này, chúng ta sẽ thấy được một phần nào tình trạng nền giáo-dục Mỹ thuật Việt-Nam hiện tại. Chúng tôi xin phân tích bản tham luận đó.

Khi khởi sự viết bài này thì bản tham luận vẫn còn tiếp tục đăng tại Nhật báo « thân-dân ». Để khỏi mất thì giờ chờ đợi, chúng tôi dựa theo nguyên văn của bản gửi cho ông Tổng trưởng Quốc gia Giáo-dục để ngày 9-11-1963 ký tên Georges Alexis Nguyễn gia Khánh, có ghi rõ số danh bộ 05.246.70.001; địa-chỉ 187 Đại-lộ Gia-long Sài-gòn.

Bản tham luận gồm có 3 chương chính.

Chương I : nhận xét; Chương II : thái độ; Chương III : cải cách.

Phần nhận xét gồm 6 điểm trong đó nêu lên những sự kiện đã nô lệ hóa Mỹ thuật và đã đưa đến việc « Gia-đình họ Ngô đàn áp và đảo lộn » ngành này qua các cơ quan Mỹ thuật được thiết lập trước đây.

VĂN HÓA VỤ

Theo tác giả, sở dĩ có tình trạng yếu hèn và hỗn độn trên là do những phần tử « không chịu đoàn kết, không chống đối, mà lại còn khom lưng xu nịnh, van xin, chạy theo, không phải sau một chính phủ, mà lại chạy theo tất cả các chính-phủ kế tiếp nhau, thiêu lạp trường, không lo nghĩ sáng tác... »

Quán chúng thì như trên, còn về phía chính phủ thì tác giả cho rằng : « bọn Lê-Xuân, Nhu, Diệm thiết lập văn hóa vụ, nô lệ hóa Mỹ thuật gia, đảo lộn lớn bé, lựa bề xu nịnh cho lên » làm phát chứng chỉ, « Dụng triển lãm Quốc-tê, gom góp tại đó hầu hết là loại tranh diên rồ của đa số bọn trẻ Quốc tê, thiêu học, vẽ lạng nháng, mở giấy thép soạn, tâm giẻ rách, mụn vái vá, đám sơn đỏ, bàn đập long, quì một trọt mắt v.v... Lối diễn tả đó là một trạng thái sôi nổi, rất chóng qua của một lịch trình Mỹ-thuật ».

NHA MỸ THUẬT HỌC VỤ

Sau khi cho biết chính phủ Diệm có thư mời ra làm Giám-độc Nha này, nhưng tác giả từ chối vì tự nghĩ rằng : « ngón tay chó của bọn Lê-Xuân, Nhu, rõ rệt ở trên nha này », tác giả phê bình gắt gao về một kiến trúc sư trẻ tuổi bây giờ nhận làm Giám-độc Nha Mỹ-thuật học vụ. Theo tác giả : cứ một kiến trúc sư điều khiển một nha Mỹ thuật chuyên môn về Điều khắc, Hội Họa là không hợp lý. Hơn nữa, nhà kiến trúc này, ngoài bốn phận đối với Nha, đã gánh vác quá nhiều công tác chính trang thành phố, nên không đủ sức lực và thì giờ lo cho vấn đề Mỹ thuật, là trách nhiệm chính của mình một cách chu đáo.

Trong phần nhận xét, tác giả còn phê bình nhiều về Nhà điều khắc Nguyễn Văn Thê với các cuộc tổ chức triển lãm Mùa Xuân, Triển lãm Quốc tê 1962, cuối cùng tác giả kết luận :

« Tuốt cả những sự việc tổ chức trên thời nát, nên Mỹ-thuật trong 9 năm qua, tuy bề ngoài có ý phổ hướng, bành trướng và tiền bộ, nhưng sự thực cái đó chỉ là một cái màn mỏng hào nhoáng, bao bọc một cái thây ma nô lệ, thiu thúi, mục rữa... »

THÁI ĐỘ CỦA TÁC GIẢ BẢN THAM LUẬN

Để phản đối những việc làm về Mỹ thuật mà tác giả cho là không tốt đẹp, tác giả đã quyết định : « bắt đầu chống đối mạnh bằng cách nghĩ điều khắc để làm tê liệt văn-hóa và tôi ra mở hàng chèo tạo sơn từ năm 1946... tôi có ý tìm xem có một chính-phủ nào đứng đắn để tôi lại ra phục vụ, nhưng buồn thay, tôi không nhận thấy có một chính phủ nào khả dĩ tôi ưa. Cuộc để kháng, chống đối này tôi đem vào địa hạt điều khắc, làm tê liệt nghệ thuật trong suốt 18 năm ».

MONG MỜI CẢI CÁCH

Tác giả đã đề nghị cải cách và yêu cầu chính phủ, đại khái :

— Hồi hương Nguyễn văn Thê (về Pháp) hủy bỏ các việc y đã phụ trách.

— Bãi triệt Văn Hóa Vụ

— Cử một Điều khắc gia, hoặc Họa sĩ có uy tín làm Giám đốc Nha Mỹ thuật Học vụ.

— Lập Hội-đồng dẫn đạo Mỹ thuật; hội đồng này phải có những hội viên thực tài với ít nhất 10 năm trung bày, được hội đồng dẫn đạo cấp chứng chỉ Sơ lập : cần 3 vị tên tuổi; tác giả đề nghị mời các họa sĩ sau này về nước tham gia : LÊ PHỔ, MAI TRUNG THỨ, NGUYỄN GIA TRÍ.

Y KIẾN CHÚNG TÔI VỀ BẢN THAM-LUẬN CỦA NHÀ ĐIỀU-KHẮC NGUYỄN-GIA-KHÁNH

CẢM TƯỞNG CHUNG : Bản tham luận của nhà điều khắc Nguyễn - gia - Khánh phần ảnh hưởng mỗi âu lo tha thiết của tác giả đối với nền Mỹ thuật nước nhà; tuy vậy sự lo lắng dường như không được phát xuất từ tâm lượng rộng rãi của một nghệ sĩ đã đi qua được những bực nhọc của thế sự. Nhà nghệ sĩ đã quá bận tâm về những điểm nhỏ nhen, về những « tên Lê Xuân, Nhu, Diệm » — khiến cho đôi khi không tránh khỏi chỗ thiên lệch, làm cho người ta có cảm tưởng là tác giả bản tham luận đã đi quá xa cái phong độ phóng khoáng của một Nhà Văn-Hóa.

ĐỐI VỚI NGHỆ THUẬT VÀ DÂN TỘC

Để phản đối chính quyền cũ đã đảo lộn, bóp nghẹt nghệ thuật, mà người nghệ sĩ bỏ cả sự nghiệp, đi chèo sơn để làm tê liệt văn hóa, thì quả là một hành động có hại cho chính nghệ thuật. Chính quyền đầu phải Dân chúng, Dân tộc. Chính quyền làm gì ngăn nõi trước mọi phát triển của Thiên tài và Cảm xúc. Không nên đặt vấn đề phục vụ cho một chính phủ, mà phải nghĩ đến quần chúng, đến dân tộc. Nền Văn Hóa của một nước phát triển, Nghệ thuật một nước lên cao, yêu tố chính, không phải là yếu tố chính quyền, mà còn có một yếu tố khác quan trọng hơn là Thiên tài của Quốc gia được nảy nở phong phú giữa lòng quần chúng. Cái lịch sử thăng trầm của Chính quyền thường ít khi đi đi với Quá trình tiến triển trọng đại của nền Văn-Hóa. « Tự lực Văn-Đoàn » góp công xây dựng Văn-học Dân-tộc trước chủ trương mù chữ, ngoại lai của Đế quốc Pháp; Picasso, Rodin, Renoir xây dựng các môn phái của nghệ thuật không cần sự nâng đỡ của chính quyền, bởi vậy, đối với Việt-Nam, nếu nền Mỹ thuật không được phát triển dồi dào, nguyên nhân thoái hóa chính chắc chắn không phải vì những yếu tố : « Lê-Xuân » « Nhu, Diệm ». Chúng

ta không nên quan trọng hóa sức phá hoại của những kẻ ấy trong lãnh vực văn học, nghệ-thuật.

VĂN HÓA VỤ

Chúng ta nhận rằng Văn-Hóa Vụ chính là sản phẩm của chính phủ trước đặt ra với mục đích chính trị cho nên nó được khai sinh giữa lòng Bộ Thông-Tin. Khách quan mà nói, đứng về phương diện của một lập trường chính-trị, các nhà hành chánh và chính trị gia có quyền dùng đủ phương sách để thắng đối phương và gây hiệu lực tốt cho đường lối chính trị của họ. Bởi vậy, chúng tôi thiết nghĩ nhà Điều khắc Nguyễn gia Khánh không nên đặt cho nó một sứ mệnh Văn-hóa quá rộng rãi để trách móc rằng « Văn-Hóa vụ » không hoàng thành cái sứ mệnh Mỹ thuật của nó.

NHA MỸ THUẬT HỌC VỤ

Tác giả bản tham luận nêu ra cái tư cách không hữu hiệu của một kiến trúc sư làm Giám đốc Nha này và đề nghị mời một nhà Điều khắc hay Hội Họa có biệt tài thay thế. Chi tiết của mọi vấn đề Nha Mỹ-thuật Học Vụ. Chúng tôi xin trở lại chu đáo trong khi góp ý kiến xây dựng; bây giờ chúng tôi xin nêu ra mấy điểm sai hoặc đúng của bản tham luận đối với vấn đề này :

Tác giả trách ông Giám-độc Nha này ôm nhiều việc thì rất đúng nhưng đề nghị thay thế ông « Giám đốc kiến trúc sư » bằng một ông « Giám đốc Hội Họa » hoặc « Điều khắc » ở nha này có hơi vội. Việc trước tiên cần nêu ra là định phạm vi hoạt động đúng chỗ của Nha, ở đây chính quyền vô tình hay hữu ý đã bỏ rơi Trường Cao đẳng Kiến trúc ra ngoài Nha Mỹ thuật học vụ. Nếu xét Trường Cao đẳng kiến trúc cần phải được đặt dưới quyền điều khiển của Nha Mỹ thuật Học vụ, thì cứ một kiến trúc sư làm Giám đốc tại Nha này không phải là quá đáng.

THÁI ĐỘ CỦA TÁC GIẢ VÀ MỌI ĐỀ NGHỊ

Phần thái độ, chúng tôi đã góp ý kiến vào đoạn « cảm tưởng chung », bây giờ đến « những ý kiến xây dựng » của tác giả bản tham luận.

Tác giả đề nghị « triệu tập « HỘI ĐỒNG DẪN ĐẠO MỸ THUẬT », đề nghị này cũng là một đề nghị chính xác, nhưng quan trọng ở tinh thần và hình thức « HỘI ĐỒNG DẪN ĐẠO » phải như thế nào mới đúng. Ở đây tác giả có đề nghị mời các Họa sĩ MAI TRUNG THỨ, LÊ PHỔ, và NGUYỄN GIA TRÍ, đưa tên tuổi ra trước có sớm đi chăng ? Qua bản tham luận, chúng tôi nhận thấy tác giả quá nghiêng nặng đến Chính quyền trong vai trò xây dựng nền Mỹ thuật Quốc gia. Muốn cải thiện văn đề, không nên đặt chuyện cần cắt cử chức vụ này, bãi bỏ chức vụ kia, mà cần đề rõ phương sách cải tổ toàn diện, đủ chiều rộng, chiều sâu, dung hòa phối hợp được mọi khả năng, mọi quan niệm cùng lớp người mới cũ để cho chính quyền thi hành. Nếu Hội đồng Dẫn đạo Mỹ thuật cần được triệu tập thì phải được triệu tập trong tinh thần rộng rãi trên. Nói như vậy là vì căn cứ theo bản tham luận, chúng tôi có cảm tưởng tác giả là một người của khuynh hướng cũ, thiên về quan điểm cũ nhiều, e rằng sẽ bỏ quên một thế hệ nhiệt thành, hăng hái, trẻ trung là thế hệ nghệ sĩ có trách nhiệm trực tiếp đối với công cuộc xây dựng nền Mỹ thuật hiện tại và tương lai.

KỶ SAU :

— Tình trạng Hai trường Mỹ-thuật Huế và Gia-định.

— Nha Mỹ-thuật Học-vụ.



TÌNH TRẠNG NỀN

(Tiếp theo)

Vì tình-trạng nhà trường như thế nên kỷ-luật học đường không được tôn trọng như xưa. Tại các trường tư-thực, trừ các trường lớn có tiếng, văn-đề kỷ-luật rất là chênh mảng. Vì phải trả tiền học nên học sinh lắm trường rằng một khi trả tiền thì có «quyền tự-do». Ban Giám-độc nhiều khi muốn được lòng học-sinh đành nhắm mắt làm lơ trước những hành-vi quá đáng. Hiện nay sĩ số bán công và tư-thực gấp một lần rưỡi học-sinh công-lập nên dù muốn dù không học-sinh trường công cũng bị ảnh hưởng theo. Như chúng ta đã phân tích trên, đa số giáo-sư trường công quá trẻ, chưa có uy-tín và kinh-nghiệm nên nhiều khi khó chặn đứng làn sóng vô kỷ-luật do tuổi trẻ bông bột và thời-đại gây nên. Thêm nữa trong vòng năm nay nước nhà trải qua bao cuộc chính biến. Trong lúc tình-trạng hoang mang, nhiều kẻ lưu manh đã lợi dụng tính bông bột của tuổi trẻ để xúi dục học-sinh «tỏ» giáo-sư này hay đã đảo giáo-sư kia, nhiều khi chỉ có mục-đích thỏa mãn tư thù cá-nhân của kẻ ném đá đầu tay. Do đây học đường đi dần đến chỗ tan rã. Tình thầy trò trở thành một danh-từ vô-nghĩa. Trò không sợ thầy, không trọng thầy; thầy không thích trò, coi việc dạy là một cực hình, một điều bất đắc dĩ... Nếu tình-trạng này kéo dài trong niên-khóa sau thì nền Trung-học Việt-nam có thể coi như là không còn nữa.

Khảo-sát nền giáo-dục mà không xét đến chương trình học thì đó là một thiếu sót rất lớn. Nếu một ngày gần đây, nền Trung-học Việt-nam có đầy đủ trường ốc và giáo-sư mà vẫn áp-dụng chương-trình hiện hành thì thế nào cũng đi đến chỗ thảm hại.

Khách quan mà nói, chương-trình hiện hành phát xuất từ chương-trình Hoàng-xuân Hãn (1945). Trong vòng 20 năm nay, mỗi lần có một vị Bộ-trưởng Giáo-dục mới là có thay đổi chương-trình. Tuy nói là «thay đổi» nhưng chẳng có «thay đổi thật sự» một tí nào cả, chẳng qua chỉ sửa đổi một vài chi tiết nhỏ nhặt mà thôi. Nếu đem so sánh với chương-trình Pháp thì thầy có rất nhiều điểm giống nhau, nhất là Đệ-nhị cấp — nếu không muốn nói rằng chương-trình Việt-nam hoàn toàn bắt chước chương-trình Pháp. Có điều đáng tiếc là chương-trình Pháp đã được cải-tổ nhiều lần trong khi chương-trình Việt vẫn khư khư giữ cái gì của Pháp cách đây hai mươi năm. Hiện nay nó không hợp thời và cũng không đi sát với thực-trạng Việt-nam. Pháp là một nước tư-bản, có một nền văn-hóa rất cao nên chương-trình Trung-học của họ có mục-đích chuẩn-bị thanh, thiếu niên để đưa lên bậc Đại-học. Tuy nhiên bên cạnh họ còn thiết-lập vô số trường chuyên-nghiệp và Trung-học kỹ-thuật để làm lối thoát cho những học-sinh khéo léo tay chân, có sáng kiến, ưa thích kỹ-thuật có thể trở thành những cán-sự hay chuyên-viên rành nghề chứ không đủ khả năng lên bậc Đại-học. Việt-nam ta là một nước chậm tiến, trong tình-trạng hiện-tại lẽ tất nhiên giáo-dục phải đào-tạo chuyên-viên để thỏa mãn nhu-cầu xứ sở. Chương-trình hiện hành vì theo chương-trình Pháp nên hướng tất cả học-sinh lên bậc Đại-học mặc dầu đa số sau khi học xong bậc Trung-học không có khả-năng học hỏi hay phương tiện tài chánh để tiếp-tục bậc Đại-học. Một thanh-niên có Tú-tài Việt nếu phải bứt ngang ra đời thì rất khó tìm ra việc làm vì không có một huấn-luyện chuyên môn nào cả, trừ việc «gõ đầu trẻ». Mà có phải cứ

người Việt nào cũng có tiền cho con theo học Đại-học cả đâu. Người nông-dân, lao-động hay tiểu thương cố-gắng cho con học hết bậc Trung-học là một sự hy-sinh lớn lao với mục-đích muốn cho con về sau hơn mình chứ họ đâu có ngờ sau bậc Trung-học thì đến chỗ bẽ tắc. Mấy năm gần đây, có lẽ Bộ Giáo-dục đã thấy khuyết-điểm trên nên đã tổ-chức nền Trung-học Kỹ-thuật, nhưng bên cạnh 485 trường Trung-học mà chỉ có độ 10 trường kỹ-thuật cũng như tổng số học-sinh Trung-học kỹ-thuật 6.908 (1962-63) quá ít so với 255.322 học-sinh Trung-học.

Vì thiếu trường chuyên-nghiệp và Trung-học kỹ-thuật nên nền giáo-dục Việt-nam hiện nay đã tách rời thanh, thiếu-niên ra khỏi môi-trường địa-phương của họ. Nếu có nhiều trường chuyên-nghiệp thì sau khi tốt nghiệp họ sẽ được bổ dụng về địa-phương phục vụ trong các ngành công kỹ-nghệ hoặc canh-nông. Khi cho con đi học người cha mẹ nào cũng mong mỗi ngày sau khi thành tài con sẽ về làm việc tại quê nhà trước là rạng danh cha mẹ, sau là cải tổ tình-trạng kinh-tế, nâng cao mức sống trong vùng: đó mới là ý nghĩa của việc «đầu tư» trong ngành giáo-dục. Với chương-trình hiện-tại, tất cả thanh, thiếu-niên một khi cấp sách đi học đều có xu-hướng rời bỏ thôn quê tập-trung về đô thị để làm công chức. Đó là một điều rất tai hại cho một nước chuyên sống về nông-nghiệp như Việt-nam ta.

Một khuyết điểm khác của chương-trình hiện hành là đặt nặng việc học chuyên khoa (về phần lý-thuyết mà thôi) quá sớm cho nên mới có vấn đề «hệ số». Môn nào quan-trọng thì hệ số cao. Kết quả học-sinh chỉ học môn nào có hệ số cao để mong thi đậu và bỏ mặc các môn học kia. Học sinh các ban Khoa-học A, B lúc thi Tú-Tài II chỉ lưu tâm học Vạn-vật, Toán Lý-Hóa đồng thời bỏ hẳn sinh-nữ, Sử-địa, Việt-văn. Học-sinh các ban C, D chỉ lo học sinh ngữ và Triết; kiền-thức về Toán và Lý-hóa hoàn toàn là số không... Theo đó, với sự tồn tại của hệ-số các môn học trong chương-trình hiện hành cũng khi không có điểm trung bình bắt buộc cho các môn thi, học sinh chỉ học một nửa số các môn học cũng đủ để thi đậu. Một học-sinh ban B nếu làm đúng hai bài thi Toán và Lý-Hóa (hệ số 7) thì bài Triết (hệ số 2) có được 3 hay 4 điểm cũng có thể vào vẫn đáp được; thế thì mấy ai chịu chăm chú học sinh-nữ hay Sử-địa nữa? Đó là lối suy-luận thiên-cận nhưng thực-tế của đa số học-sinh chuyên «học tú».

Chương trình khiếm-khuyết, học hành cầu thả, thi cử tổ-chức hư hỏng chả trách bằng Tú-Tài Việt càng ngày càng xuống giá. Trong mấy năm gần đây, sau mỗi khóa thi Trung-học vài hôm là báo đăng đề thi bị lộ, có tổ-chức bán cả đề thi... Năm nào cũng thế và cái trò đó sẽ tái diễn cho đến bao giờ? Kỷ luật thi vì không nghiêm nên cũng bị chà đạp nát. Theo các nhật báo trong mấy ngày gần đây, Bộ Giáo-dục mới ra thông cáo cho biết rằng «có 766 thí-sinh toàn quốc bị cấm dự các kỳ thi Trung-học đệ Nhất cấp và đệ Nhị cấp trong năm 1964 vì phạm lỗi nặng gian lận trong các kỳ thi năm 1963». Đó là những trường-hợp bắt được có bằng cớ, còn những trường-hợp không bắt được hay giám-khảo không muốn bắt vì sợ gây thù oán với thí-sinh là bao nhiêu? Có lẽ từ 5 đến 10 lần nhiều hơn. Ngày xưa tại một trung-tâm thi bắt được một hay hai thí-sinh gian lận là chuyện rất hiếm. Ngày nay thí-sinh đem tài-liệu vào phòng thi là chuyện thường. Những thí-sinh thật thà ngay thẳng không

làm thế, rùi thi hỏng thì lại bị bạn bè chê đại là đáng khác. Theo chỗ chúng tôi hiểu biết thì không có phòng thi nào không có thí-sinh đem tài-liệu vào để «quay phim». Trung bình mỗi phòng thi có 50 người, nếu chỉ có 2 người đem tài liệu vào thì tỷ số thí-sinh gian lận trong kỳ thi cũng lên đến 4 phần trăm rồi! Đó là tôi thiếu chứ con số kia có thể lên đến 8 hay 10 phần trăm mới sát thực-tế.

Tâm trạng của thí-sinh như thế, tinh-thần phục-vụ của giám-khảo thì sao? Chúng ta phải thành-thật mà công nhận rằng nó cũng theo thời gian mà càng ngày càng xuống thấp. Lỗi này không hoàn toàn do các giám-khảo, một phần lớn do hoàn-cảnh tạo nên. Nạn hối lộ, gửi gắm trong các kỳ thi có từ xưa nhưng chưa bao giờ thịnh hành và có tổ-chức như ngày nay. Vì thí-sinh quá đông, thiếu giám khảo nên trong các Hội-đồng chấm thi có một số người không phải là giáo-sư trường công. Không trực thuộc Bộ Giáo-dục, không sợ thưởng phạt nên đôi khi họ nhân cơ hội mà làm loạn. Các chánh chủ khảo muốn nghiêm khắc cũng khó vì nhiều khi các vị này cũng bị «mắc nghề» ở chỗ khác. Trước cuộc cách-mạng tháng 11-1963 khi một ông Chánh chủ-khảo đến một trung-tâm khảo thí thì thế nào ông cũng nhận được một danh-sách «mật» những thí-sinh «phải được chăm đầu» gồm con cái, bà con các nhân-vật địa-phương hoặc cán-bộ trung-kiến đảng này, phong-trào nọ. Muốn thi hành lệnh trên ông Chánh chủ-khảo bắt buộc phải «dàn xếp» với một số giám-khảo, và để đáp lại ông phải nhắm mắt làm ngơ khi họ «rộng rãi» với một số thí-sinh khác. Đó là thông-lệ của các kỳ thi ngày nay. Đồng thời trong các Hội-đồng cũng có một số đồng giám-khảo trẻ tuổi lúc ban đầu rất háng, chăm với tất cả công tâm, ai giỏi thì đậu, nhưng ở một vài địa-phương họ lại bị thí-sinh chặn đường hành hung và chính quyền địa-phương lúc lúc không áp-dụng các biện-pháp cần-thiết để bảo-đảm an-ninh cho họ. Đã thế số bài chấm lại quá nhiều, có người mỗi ngày phải chấm trung bình trên 200 bài và nhiều khi phải chấm những môn họ không bao giờ dạy. Giáo-sư sinh ngữ chấm Sử-địa hay công-dân; giáo-sư Lý-hóa chấm Vạn-vật... Do đây kỳ thi không còn tính cách vô-tư và đứng đắn như ta hằng quan-niệm từ xưa đến nay. Văn bằng Tú-Tài trước kia có mục đích chứng nhận trình-độ kiền-thức trên trung-bình của những thanh-niên chăm chỉ và giỏi đã học thấu đáo hết chương-trình bậc Trung-học. Ngày nay nó đã thành một cuộc xô số, kẻ may người rùi: nhiều thí-sinh giỏi mà hỏng, lắm kẻ rất kém mà đậu vì nhờ gửi gắm, đút lót...

Nếu ta quan-niệm giáo-dục Việt-nam như một việc đầu tư trong lĩnh-vực văn-hóa để phụng-sự quốc-gia — và chúng ta phải quan-niệm như thế — thì đây là cuộc thất bại lớn lao chưa từng thấy trong lịch-sử giáo-dục Việt-nam. Cần phải thi-hành những biện-pháp cứng rắn, cần phải có một cuộc cải-tổ toàn diện và phải áp-dụng ngay từ niên khóa sau thì mới mong cứu vãn nổi tình trạng nguy-ngập của nền Trung-học hiện nay. Nhưng cải tổ làm sao? Cần cứ trên những yếu-tố nào? Liệu Bộ Giáo-dục có dám làm một «cuộc cách-mạng» trong ngành giáo-dục nước nhà hay không? Đó là baonhiêucâu hỏi mà chúng tôi sẽ cố gắng trình bày các giải-đáp trong số tới với mục-đích góp một số ý-kiến xây-dựng cùng Hội-đồng Tồi cao Giáo-dục sẽ được thành-lập trong một ngày rất gần đây.

LÊ VĂN

NGÔN-NGỮ NHẬT-LINH

LE TUYEN

*«Anh xem: tôi viết câu này cũng bí hiểm không kém gì anh:
— Xa anh, nếu tôi còn sống, được đọc văn anh...»*

NHẬT LINH
(Đôi Bạ — Nhật Lá Bàng VI)

LỜI NÓI ĐẦU

SAIGÒN : chiều mồng hai tháng VII năm 1963.

Tôi còn nói chuyện về Anh với một người bạn cũ. Sáng mai lại, tôi đã trở về Trung.

HUẾ : sáng mồng tám tháng VII năm 1963.

Tôi nghe tin anh mất qua một đài phát thanh ngoại quốc. Chuyện Việt-Nam đánh chỉ biết qua tiếng nói của nước ngoài. Ngôn ngữ của mình như không còn để nói ra Sự Thật, dù sự thật đó chỉ là Cái Chết Của Một Người.

Anh đi theo Ánh Lửa Từ Bi. Tôi ở lại, cúi đầu im lặng ? không hẳn thế. Tìm vài người bạn cùng bàn để đánh điện chia buồn. Nhưng chỉ gặp ngại ngùng, ngờ vực. Thế trí thức đã thật mất trong lòng họ. Tôi nghĩ về Anh, sáng ấy, một ngày thì : đã hiểu gì Anh, một văn hữu đàn anh từ thuở sinh thời ? Chưa hiểu gì Anh, một linh hồn văn nhân trong tâm thân chiến sĩ ? Điều ấy, tôi đã bắt đầu, nơi đây từ ngày 20-XI-1961. Nghe tôi nói về Anh chỉ là những người bạn trẻ, có lẽ không cùng chí hướng, nhưng có thể đã cùng nhận một nghề. Sáng ấy họ đã ra đi ở nhiều phương trời, và khi nghe Anh mất, chắc họ sẽ hồi tâm nhớ lại những gì tôi đã nói. Với điểm thời gian đã lẩn khuất sau gần hai mươi tháng trước ngày Anh mất, tôi không phải là người nói về Anh trước nhất, và đương nhiên cũng chẳng phải kể sau cùng. Tôi chỉ nghĩ : phải nói về Anh khi tôi cần nói, và đáng nói ở một nơi biết tiếp nhận ngữ ngôn. Sự nghiệp của Anh nặng về suy tư ngay trong đường tình cảm : suy tư của một chiến sĩ cách mạng về xã hội, về cuộc đời; đồng thời Anh cũng biến cái suy tư của mình để trở thành ngữ ngôn văn nghệ hướng về sự thể hiện con người trong những hoàn cảnh của lòng đất mẹ, tìm cho tả hồn một sự vươn đạt đến Quê Hương.

Nhớ lại những gì đã nói về Anh trước ngày Anh mất, cũng là một niềm an ủi cho tôi trước khi tìm hiểu thêm Anh trong suy tư của một văn nghiệp đã viên thành :

«... Người lãnh tụ đã chuyển mình thành nhà văn nghệ sĩ. Trong sự chuyển mình này, chúng ta phải ý thức rằng, đạt đến ý nguyện sáng tạo trong văn chương là hoàn thành một phương diện đấu tranh của người chiến sĩ. Thành thử, trong một cái nhìn chuyển mình làm đôi, nhà văn nghệ sĩ cùng người chiến sĩ vẫn không tách rời nhau mà đã trở thành hai chiến hữu trong một con người; hai chiến hữu liên kết với nhau trong suy tư và hành động, nhưng lại chia ra hai thể tìm về cuộc đời và xã hội, để cùng hện trùng lại tại ngõ nơi công trình xây dựng một ngày mai mới mẻ cho mình và cho xã hội của mình.

«... Nhật Linh đã xir dựng suy tư của mình để thể hiện trong những con người hoàn cảnh, tạo nên những nhân vật tiểu-thuyết, để qua mỗi nhân vật như thế, ta sẽ thấy biểu lộ một phần cá tính sáng tạo của Nhật Linh, không chỉ phải để trình bày một tâm sự riêng biệt của mình, mà chính tâm sự làm người của hai chiến hữu, của «đôi bạn», của nhà cách mạng và người văn nhân trong một cuộc đời đang khẩn thiết cả hai hình thức đấu tranh để mong thể hiện một xã hội công bằng và nhân đạo. Như thế, một lý thuyết gia cách mệnh như Nguyễn trường Tam không cần phải có một hệ thống suy tư chặt chẽ, mà tất cả suy tư đó như đang ở giữa cuộc đời, được sáng lên trong từng nhịp sống khiêm tốn, bình thường, của con người, và từ đó Nhật Linh đã phát huy được cái mãnh lực phi thường muốn sống qua ngữ ngôn văn nghệ. Tiểu thuyết Nhật Linh vì vậy, chấp nhận hiện thực cuộc đời và hiện thực xã hội như chính Cái Đẹp của suy tư. Suy tư ấy là một mối tương quan giữa hiện thực hoàn cảnh và ý hướng sáng tạo của văn nghệ nhưng lại căn bản trên phẩm chất đấu tranh. Cho nên, suy tư Nhật Linh luôn phải biến thiên để hoàn tất tiến trình của mình trong một sự xây dựng cuối cùng qui kết được tất cả ý thức nhân văn của mình chính từ những cánh đời cá biệt. Mối tương quan nhân văn sâu xa đó đã nối kết nhà chiến sĩ và nhà văn nghệ sĩ : nhà chiến sĩ không lẻ loi trong nhà nghệ sĩ, và Nhật Linh không bị bơ vơ cô lập trong Nguyễn trường Tam. Tiểu thuyết Nhật Linh, ngoài giá trị hoàn cảnh còn tiềm ẩn sâu xa những đặc tính nhân văn bền chặt qua bao nhiêu khuôn mặt làm người trong tác phẩm, hằng miêu tả cho chúng ta ý thức thể giao tranh của «đôi bạn», để thấy rằng đôi khi có phải «đoạn tuyệt» với một lối đi, với một hoàn cảnh, thì đoạn tuyệt không phải để mà đoạn tuyệt, đoạn tuyệt để tìm lại cái tương hợp mai sau của hai «vẻ đẹp», của một tương lai không thể nào tách khỏi được «hai buổi chiều», trong một buổi chiều, hai chiến hữu trong một con người. Do đây cái «lạnh lùng» của Nhật Linh chính là một nỗi lạnh lùng đi tìm sự ấm, và cái chết của con người lại là một cái chết «phải sống» ở giữa đời này.

(xem tiếp trang 13)

CHÉN THUỐC ĐĂNG

BA CAO

TRƠ NHƯ ĐÁ

LẬP TRƯỜNG mới ra số 1 đã nhận được rất nhiều thư của độc-giả bốn phương gửi về. Thư đầu tiên — hân hạnh thay ! — lại là thư của một nữ độc-giả. Thế mà chúng tôi cứ tưởng rằng LẬP TRƯỜNG khô-khan quá không lọt được mắt xanh !

Cô bạn gái của chúng tôi — của chúng ta — hỏi về ý-nghĩa của cái dấu-hiệu để bên cạnh chữ LẬP TRƯỜNG. Một đoạn trong bức thư : «... Bức tường thì ai cũng biết rồi. Chắc hẳn các ông muốn nói lên ý nghĩa xây dựng. Xây dựng một bức tường kiên cố để che lấp khoảng trời đen tối của quá khứ. Nhưng còn cái gì lòng thông bụng rộng thế kia? Mây đưa em trai ngó ngáo của tôi chúng bảo đó là cái... quả lắc nơi cái đồng hồ treo trên tường. Ấy danh từ «quả lắc» là danh từ tôi dùng cho nó có vẻ thanh lịch đấy; mây ông tưởng nhà tôi dùng một danh từ khác kia, nói ra sợ chính các ông cũng mắc cỡ). Còn cái vòng tròn tròn, trắng trắng nằm dưới quả lắc, chúng bảo đó là lát... bánh bèo Vi Dạ. Thưa ông, có phải thế không ạ ? »

Thưa cô, tôi xin mạn phép kê-lễ đồng-dãi một chút về Cái dấu-hiệu của LẬP TRƯỜNG

Nguyên khi anh em quyết-định phải có một dấu-hiệu, ông Chủ-nhiệm nhà tôi buộc phải vẽ thế nào để cho độc-giả thấy rằng lập-trường của LẬP TRƯỜNG lúc nào cũng vững chắc, ngay thẳng, khô g ai lay chuyển nói. Anh em bàn cãi rất lâu. Cuối cùng có người đề nghị : *Vẽ ông Từ-Hải* Bởi vì ông Từ-Hải cho đến lúc chết vẫn :

Trơ như đá, vững như đồng

Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dờn.

Anh em vỗ tay hoan-nghênh. Chỉ có anh họa-sĩ là mếu-mào :

— Tôi có biết mặt-mũi ông Từ-Hải ra sao mà vẽ !

Một anh bạn vốn có óc khôi hài — khôi hài chỉ thua mấy ông em trai của Cô một chút thôi — vừa cười vừa nói :

— Mấy anh là nam-nhi mà thua xa bà Cô Nhu ! Bà ấy không biết mặt mũi Hai Bà Trưng để tạc tượng thì Bà ấy bảo ông đại trí-thức điêu-khắc gia lấy phảng cái mặt và cái ngực của Bà ra mà tạc. Bây giờ anh không biết mặt mũi ông Từ-Hải thì cứ lấy quách mặt-mũi ông Chủ-nhiệm nhà ta ra mà vẽ ! Cũng râu hùm hàm én thua gì ai !

Anh Hoàng Mịch Điển vội-vàng đứng dậy, chỉ tay vào mặt anh kia mà mắng :

— Anh này theo «thuyết Phong-Thần» ! Tôi xin đề-nghị đuổi !

Cuối cùng dấu-hiệu của LẬP TRƯỜNG không phải là ông Từ-Hải — quên, ông Chủ-nhiệm — mà là cái dấu hiệu đã làm Cô thắc-mắc. Ý-nghĩa cái dấu-hiệu đó theo chỗ tôi hiểu thì nó như thế này : Bức tường tượng-trưng cho Xây Dựng, Xây dựng để đuổi lại đằng sau cái quá khứ đen tối của chín năm qua. Cái mà các ông tưởng em của Cô gọi là quả lắc đồng hồ thật ra đó là cái dây dọi (fil à plomb) của thợ nề. Dây dọi tượng-trưng cho sự thẳng, vì thợ nề dùng dây dọi để nhắm cho bức tường được thẳng hàng. Mấy cái vệt trắng lẩn tán dưới dây dọi là giòng nước và cái hình tròn trắng là ảnh của dây dọi trong lòng nước. Như vậy lập trường của LẬP TRƯỜNG lúc nào cũng Xây dựng, vững chắc, ngay thẳng và sáng-tỏ như vầng trăng trong giòng Hương-Giang.

Nhìn kỹ dấu-hiệu của LẬP TRƯỜNG, Cô sẽ thấy hình-ảnh của Từ-Hải hiện ra :

Trơ như đá, vững như đồng

Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dờn.

Chúng tôi yêu lời sống của Từ-Hải «*gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo*», và nếu có chết, LẬP TRƯỜNG quyết cũng sẽ chết như Từ-Hải.

BE

Thế là gỡ rồi được một mối tơ lòng. Còn nhiều mối khác !

Trong bức tranh khôi-hài đăng ở trang đầu LẬP TRƯỜNG số 1, vẽ dựa thành phần Chính-phủ Nguyễn Khánh, trước ngực một nhân-vật trong tranh, anh họa-sĩ của LẬP TRƯỜNG viết luôn một chữ to trông : BE ! Rất nhiều bạn đọc thắc-mắc về chữ đó.

Xin thưa : nhân vật đó tức là ông Phạm Thái, tức là Tổng Trưởng Thông-Tin, tức là người có quyền ký giấy đóng cửa LẬP TRƯỜNG. Ông Phạm Thái trùng tên với một nhân-vật lịch-sử thế-kỷ 18-19 : nhà thi-sĩ và chiến-sĩ Phạm Thái. Phạm Thái ngoài tài thơ và tài kiếm ra, lại còn có tài uống rượu, uống mấy cũng không say, chỉ lý thôi, vì vậy Phạm Thái còn có hiệu là Chiêu-Lý. Ông Chiêu-Lý nhà ta đã làm bài thơ say như sau :

Sống ở dương-gian đánh chén nhè

Thác về âm-phủ cặp kê-kề

Diêm vương phán hỏi rằng «chi đó?»

— Be !

Ông Phạm-Thái-Tổng-Trưởng muốn uống rượu xin cứ uống, muốn say xin cứ say, nhưng...

Nhưng xin đừng ký giấy đóng cửa LẬP TRƯỜNG lúc đang Be !

BA CAO

GIÁO CHỨC ĐẠI HỌC ĐI SUỐI LÒ Ò

Nhật ký của HOÀNG VĂN GIÀU

(tiếp theo số 1)

Thứ năm 30-05

...Nhưng cái đỉnh của buổi khai mạc này là ông cô vấn. Đề tài của buổi nói chuyện mở màn này là « Cuộc cách mạng toàn diện và vị trí của chính sách Ấp Chiến Lược ». Giọng nói của ông cô vấn rõ ràng, dứt quăng, nửa như ngâm, nửa như khinh thường những người nghe, nhất là cái cười khẩy của ông trước mấy tiếng « thì là là... » những lúc lời theo không kịp ý. Mở đầu ông cảnh cáo ngay : « suy nghĩ là một cuộc phiêu lưu, các anh em là những người thích phiêu lưu theo lời này hơn cả... » Có lẽ vì nói chuyện với những người mà ông cho là phiêu lưu tư tưởng nên bài nói chuyện ông chẳng sửa soạn chi cả. Bạ đầu chém đó, nghĩ gì nói này. Ông nói rên rên gần ba tiếng đồng hồ. Đại để mình chỉ nhớ :

— Chính sách ACL cũng có một triết lý chứ không phải thiếu căn bản : triết lý nhân vị.

— ACL là « một bộ máy thu hút tất cả những lực lượng, những khuynh hướng chính trị mâu thuẫn, dung hòa những lực lượng này để ứng dụng vào công cuộc cách mạng toàn diện như « hai luồng điện trên trời gặp nhau tạo ra sét hữu ích... » Và để cho mọi người hiểu rõ thêm, ông đã lấy phấn vẽ lên bảng đen sét chạy như thế nào gặp nhau như thế nào để tạo ra... điện, theo quan niệm của nhà lý thuyết nhân-vị-cộng-đồng đồng tiền-vui-về-trẻ-trung-hương-thượng. Thầy ông vẽ những vòng tròn trên bảng đen mình đã há mồm thán phục vì không hiểu àt giáp mô tê chi cả. Mình thấy ACL nhân vị như cái rún biển, và tất cả những người theo thuyết nhân vị đều nằm trong cái rún ấy.

Ông nhắc đi nhắc lại những tín ngưỡng cổ truyền, những tư tưởng cổ điển mà ông cho là không có ích lợi chi cho « cuộc đấu tranh và kỹ nghệ hóa xứ sở hiện tại ». Ông nhắc nhở mọi người phải « có thái độ cứng rắn và dứt khoát với mọi tư tưởng, nề nếp cổ truyền » và hình như nói vậy chưa đủ nên ngăn ngừa giầy lát ông thêm « cô hủ » cho đủ bộ. Nghe ông nói phải cứng rắn và dứt khoát mà mình rùng mình, mình nghĩ đến xe tăng, súng, lưỡi lê, lựu đạn, vòi rồng ở Đài Phát Thanh. Thì ra thế.

Ông cũng nói đến lý thuyết thời thế tạo anh hùng. Theo ông, triết lý nhân vị dựa trên hai căn bản : tinh thần tranh đấu và yêu tố cảnh giác. Tinh thần tranh đấu đòi hỏi thái độ tranh đấu, « thái độ của những bậc anh hùng tạo thời thế » theo lời ông. Đã nói đến nhân vị cộng đồng mà còn chủ trương anh hùng thì không hiểu, ngay trong yêu tính của lý thuyết, người ta đã quan niệm giá trị nhân vị như thế nào ? Mình không hiểu có phải lý thuyết gia của chủ nghĩa nhân vị cộng đồng đang chủ trương một thứ Nazi mới mà nạn nhân không phải là dân Do thái nhưng chính là Phật tử hay không. Nghe ông cô vấn nói chuyện anh hùng, mình lại nhớ đến lời nói của Chris khi hai đứa gặp nhau sáng hôm sau vụ Đài Phát Thanh : « sô phận đã lên tiếng. Bây giờ anh có muốn đào ngũ cũng không được nữa rồi. Em không dám can ngăn anh dù em biết nguy hiểm đang chờ anh và các bạn anh đâu đó. Nhưng có điều em phải nhắc anh là anh sẽ thất bại đau đớn khi anh xao lãng mục đích của anh và muốn tập tễnh làm anh hùng... » Phải chỉ mình được nhắc lại câu ấy cho ông cô vấn nghe. Nhớ ơi là nhớ.

Khi nhìn quanh một lượt mình thấy các dự thính viên, những dãy ghế đầu, có người ghi chép chăm

chỉ như học trò lấy cours, có người nghe với vẻ trầm ngâm như thán phục, như đang được nuốt những lời ngọc vàng. Nghe một chặp mình thấy loạn xà ngầu nên nép sau lưng anh Kh. lật sách trình thám của J. Bruce ra đọc.

Xong chuyện, các dự thính viên rút lui một cách ồn ào hăng hái. Nhiều người bàn tán xôn xao về cái symbole « luồng sét sinh ra điện » ông cô vấn đã vẽ để hình dung vị trí ACL trong quá trình xã hội, chính trị của nhân loại « nói chung » và Việt nam « nói riêng ». Mình nghe mấy dự thính viên Sài Gòn kháo nhau : « không biết nó học vật lý ở đâu mà nói một cách « huyền nhiệm » như thế. Đ. m. thắng này đi thi tú tài thì nhất định rớt ».

Khi tìm anh Kh. rủ anh đi giải khát, thầy mình lễ kè quyền trình thám dưới nách, anh hỏi :

— Ni, rứa thì ông cô vấn giảng có nghe chi đến không?

— Anh ni hỏi lạ chưa ! rặng mà không được.

— Rứa thì « nhân vị tam túc » là chi ? Ta chịu không hiểu nổi...

— Là người... « ba chân »...

Chiều. Chiều ni ông Bộ-trưởng đặc nhiệm văn hóa xã-hội Trương công Cửu nói chuyện. Đề tài « Tam túc, Tam giác, Tam nhân ». Buổi nói chuyện thực là hào hứng. Phần đông dự thính viên chắc cũng đã có cảm tưởng như mình là đang nghe một cuộc độc thoại nơi bến tàu hoặc nơi chợ búa. Cái giọng Quảng pha Saigon của ông Bộ-trưởng nghe thực « quá » bình dân.

Ông bắt đầu bằng « Tam nhân » rồi đến « Tam giác » và « Tam túc ». Giọng nói có souffle lắm. Một phần có lẽ để xóa tan cái mặc cảm đang nói chuyện với những đồng sự với một đề tài không có chi giàu có, hấp dẫn, một phần để chứng minh cái uy thế đặc nhiệm Văn Hóa, Xã-Hội của ông. Khi ông đưa chuyện, khi ông nặng lời xỉ vả thái độ cầu an, thụ động, trốn trách nhiệm của tầng lớp trí thức và riêng từng lớp giáo chức. Kể ra ông nói nhiều điều đúng lắm, nhất là về cái khuynh hướng hưởng thụ của giới Đại-học. Có lúc ông gọi « chúng ta », có lúc ông thú nhận « cũng như tôi »... có lẽ vì thấy lời lẽ của mình quá nặng nề, có lẽ vì ăn hận nghĩ rằng mình đang « lên lớp » với các đồng sự của mình. Ông vỗ bàn nói lớn « chúng ta sống thụ động, chúng ta hưởng thụ như heo ». Không biết khi so sánh như thế ông đã liên tưởng đến heo đực hay heo cái. Heo cái thì còn đỡ chứ heo đực, với cái phận bị người ta cho mượn để làm công thuê chốc lát thì cũng chẳng có chi sướng đến nỗi được nhắc nhở, xỉ vả như vậy ! Nói như ông kể cũng bình dân và can đảm thực. Vui nhất là những lúc ông hứng chí nên nói lịu, thay vì nói « ngồi nhìn vợ con chúng ta đói », ông lại lịu rằng « ngồi nhìn vợ con chúng ta đói » làm thánh giả quên mất vị trí của mình là những người đang nghe giảng, quên mất cả phép tắc nên đã vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt...

Buổi nói chuyện chấm dứt, ông Bộ-trưởng ra về để lại trong lòng mình cũng như trên thái độ, nét mặt của phần đông một ấn tượng vui vẻ lâng lâng của một buổi giải trí lành mạnh. Mình không khỏi liên tưởng đến nhân vật Tartarin de Tarascon của Daudet.

Tôi. Biết là chưa có, nhưng mình cứ ngóng đợi thư của Chris cũng như tin tức của Đoàn. Nhớ thương bác cầu không gian. Cái vắng vẻ rừng rú ở đây làm mình nhớ nhà, nhớ Huế, nhớ chùa, nhớ tụi nó. Hôm ra đi mình đã dặn Đ. hễ có chuyện chi thì đánh điện tin cho mình là « anh đau nặng, về gấp ». Không có thư, không có tin tức, không có báo chí, chỉ có đài phát thanh Saigon ẽ a suốt buổi, thời gian

trôi chậm chậm làm sao. Khi hồi đèn chừ mình thấy máy mắt và bốn chôn khó chịu, thao thức mãi. Không biết vì cái giường gỗ làm mình đau lưng, vì lạ chỗ ngủ không xuống, hay vì chai bia cao khi hồi, hay vì một chuyện chi ngoài ấy... Có trời mà biết được ! Chris ! Comme tu me manques.

Thứ sáu 31-05

Ngày thứ ba của trại đây. Hôm nay có bốn mục thuyết trình. Ông Bộ trưởng Q.G.G.D. nói về Giáo dục và chính sách A.C.L., ông Bộ-trưởng Y tế nói về Y tế và A.C.L., Ông Bộ trưởng Cải tiến Nông thôn nói về Kinh tế A.C.L., ông Khoa trưởng Vũ-quốc-Th. về Ban trị sự ập và hương ước. Mấy ông thì nhau nhắc lại ACL... ACL... ACL... Mình có cảm tưởng bây giờ chỉ còn một « nước » là ACL. Quốc sách mà lị !

Thứ vị nhất là phần thuyết trình của ông Trần đình Đ. Bộ trưởng Y tế. Con người phi nhiều của ông thực trái ngược hẳn với giọng nói cà rịch cà tang của ông. Ông nói về Y tế ACL mà mình cứ tưởng như ông giảng về sinh thường thức lớp đồng ầu. Vừa nói ông vừa chỉ vào những hình vẽ đại để như phải đào cầu tiêu thế nào, dọn cơm thì phải dọn thế nào... Rồi ông cũng có nói đến, tây y, đông y (là ngành đang bị ông giảng cho những cú chỉ từ và nhục nhả). Nhiều dự thính viên ngủ gà ngủ gật, những người khác tỉnh và tinh nghịch thì cứ đợi cho ông lật một hình vẽ về y học thường thức là khen đẹp. Nói chi cho nhiều, ông cứ lo cho mấy dây giường gỗ trong trại bết rệp, bết muỗi ngay đi thì có đỡ hơn không ?

Sau phần thuyết trình của ông Bộ-trưởng Y-tê là phần thảo luận. Biết quái gì mà thắc mắc. Thế mà cũng có người lên, có lẽ để đùa cho vui nên mới đem trường hợp Dầu khuynh điệp bác sĩ Tín ra nhờ ông Bộ-trưởng giải đáp thắc mắc... Lạy trời chúc ! Phải chỉ có người can đảm hỏi về cái nhà đồ để sang trọng của ông Bộ-trưởng, về tình trạng thiếu nảo của các bệnh viện bình dân ở Huế, Saigon, về cái chiến lược bô ráp mây ông lang ta mà bộ Y tế đang thi hành, về cái chuyện quốc hữu hóa quách mây ông bác sĩ hay yêu cầu tổng khứ họ về những vùng xa đô thị một chút để cho dân nhờ thì có phải hay hơn không ? Và thứ xem ông Bộ-trưởng trả lời như thế nào.

Buổi chiều ông Khoa trưởng Th. nói về Ban trị sự ập và hương ước. Ông triết để khai thác đề tài theo căn bản dân-chủ pháp-trị. Mình dốt luật cho nên phải ngồi ngẩn tò te một đồng. Hương ước, dân chủ pháp trị... mình không hiểu nó ra làm sao cả. Nhưng mình liên tưởng đến những tay ác ôn ở những làng mình đi qua, những hội viên cảnh sát xã, những hội viên tài chánh, bí thư xã-bộ, bí thư quận bộ P.T. C.M.Q.G. hay Cán Lao Nhân vị, hoặc những ông cha xừ ác ôn đang che chở cho những bọn đạo xa tăng làm mưa làm gió mà người ta thường than thở với mình... Không biết nhà lý thuyết về hương ước và dân chủ pháp trị có hay rằng tất cả những người ấy đang tạo thành cái mà tụi mình thường gọi đùa là giai cấp cường hào ác bá mới ở Nông thôn không ?

(còn nữa)

HÃY ĐỌC VÀ
CỔ ĐỘNG CHO

LẬP TRƯỜNG

TỜ BÁO DUY NHẤT MIỀN TRUNG

CHUYỆN VUI

DIÊM-VƯƠNG TUYỂN NHÂN VIÊN

D.V: — Ở trần thể mày thuộc hạng người gì ?
 Hồn A: — Trí thức
 D.V: — trí thức là gì ?
 Quân sư:—Thưa Diêm chúa trí thức là thức khi người khác ngủ và ngủ khi người khác thức.
 D.V: — Cho làm gác công. Còn mày ?
 Hồn B: — Cách mạng.
 Quân sư:— Cách-mạng là thích cách cái mạng của người mà không thích cách cái mạng của mình.
 D.V: — Đao-phủ. Tên kia ?
 Hồn C: — Đảng viên cộng sản.
 Quân sư:—đảng viên cộng sản hay vô sản là những người hay dăng-trí, nói hay nuốt lời, thích dùng những vật tròn như lựu đạn và không thích đẻ.
 DV: —Thiên heo.

GIÁ TRỊ TRÍ-THỨC

Ông Ba Bị: — Trong xã-hội hạng người nào đáng chê nhất?
 Thăng Tôn vãi: — Hạng trí thức
 Ông Ba Bị: — Tại sao ?
 Thăng Tôn vãi: — Vì trí thức chỉ là những cái bỏ chữ, biết quá nhiều nên tham sống sợ chết.
 Ông Ba Bị: — Thế còn hạng người nào đáng khen nhất?
 Thăng Tôn vãi: — Hạng trí thức.
 Ông Ba Bị: — ???
 Thăng Tôn vãi: — Vì rằng nếu không có hạng này thì Ông Ba-Bị hết còn đất dụng nữa.

NHỘT-LẠI

Thăng Tôn vãi:— Phải làm thế nào để cho dân chúng biết giá trị của tự-do để tranh đấu cho tự-do ?
 Ông Ba-Bị: — Nhốt chúng lại.

Ở TỬ

Ông Ba Bị: — Mày muốn gì ?
 Thăng Khô rách: — Muốn có ăn
 Ông Ba Bị: — Muốn gì nữa ?
 Thăng Khô rách: — Muốn ngủ yên
 Ông Ba Bị: — Vậy thì vào tử.

Đ.T.

TÊN BẢO

Các nhà khí-tượng-học oái-oăm đã dùng tên phụ-nữ để gọi những trận bão khủng-khiếp tàn phá nhiều vùng trên mặt đất hiện nay. Năm ngoái trận bão Flora đã gieo tai họa cho hai dân tộc Haiti dưới ách độc tài của Duvalier và Cuba dưới nhà lãnh tụ râu Castro.

Nghe đâu trong danh-sách tên bão mấy nhà khí-tượng-học đã thêm tên.....Lê-Xuân

SO-SÁNH

Năm 1959, một người Pháp so-sánh Việt-nam dưới Ngô-đình-Diệm và Cao-mên dưới thái tử Sihanouk như sau :

Ở Cao-mên dân chúng ngu cả chỉ có một người thông-minh. Ở Việt-nam trái lại, dân chúng thông-minh cả, chỉ có một người ngu.

LỤC VĂN

Đón đọc:

LẬP TRƯỞNG
 Sở Đặc Biệt trong tuần tới về
 « PHIÊN TÒA LỊCH SỬ »

THUYỀN VẪN TRÔI

TRUYỆN NGẮN
 của TÔ PHONG

« Anh đi trên chiếc thuyền ngải,
 Em đứng trên bãi cát tình,
 Thuyền đi, nước cũng rung rinh,
 Lòng em tư lự bập bênh trôi theo».
 (ca dao)

I

Hà-nội, ngày.....tháng..... năm 194.....

Chị Trang,

Sáng nay thứ bảy, không có giờ học, em viết thư cho chị, báo cho chị một tin là Dũng đi thi và thi đậu. Thề là thằng em trai yêu quý của chị hết hè này đã nghiêm nhiên bước vào ngưỡng cửa Trung-Học.

Hôm Dũng thi về, cả nhà đều đoán Dũng sẽ hỏng; em báo : « Hông thật rồi còn gì nữa mà sẽ ». Mợ em rất buồn, cuối cùng người an ủi : « Thôi nó đang còn nhỏ sang năm hẳn hay ». Nhưng rồi Dũng đó, thề có chán không ? Chết, cậu mợ em xem được thì chắc em sẽ bị mắng một trận nên thân.

Em hỏi Dũng :

« Sao đây Dũng ?

Dũng chẳng buồn mà cũng chẳng vui, trả lời một cách tự nhiên như khi nó đọc bài cho cô giáo :

— Thưa chị, bài luận em làm được nhưng vì không đủ thì giờ...

— Sao vậy hở em? Chị đã bảo em viết cho nhanh và thật sạch sẽ hơn mọi ngày kia mà.

— Thì em đã viết hết sức nhanh và sạch nhưng cũng không kịp giờ.

Chị Trang, em thuật tiếp chuyện Dũng cho chị ghe.

Lúc vào phòng thi, học trò đang còn ít quá ! Bàn Dũng chỉ mới có ba đứa thôi; nó đợi, đợi mãi chị nghĩ có khổ không), nó tưởng rằng chưa đến giờ thi; cứ như thường lệ, bàn học của nó ít nhất phải là bảy hoặc tám người, cho nên Dũng định ninh có lẽ chưa đến giờ thi và những bạn « đồng lều đồng chông » của Dũng chưa vào vội. Dũng chờ, chờ mãi, cho đến khi thấy giáo, đã « lưu ý » đến cái « thái độ » của Dũng từ lâu, ngạc nhiên nhìn nó và bảo :

— Sao trò không làm bài, còn đợi gì ?

— Thưa thầy đến giờ chưa ạ ?

— Khó quá ! Thề chưa đến giờ thì trò vào đây làm gì và ai dám cho phép trò vào đây ? Trò bị mất gần bốn mươi lăm phút rồi đây. Trò không thấy đâu bài người ta đã viết sẵn trên bảng đen ư ?

Dũng cặm cụi chép đầu đề vào trang giấy được phát khi bước chân vào lớp, suy nghĩ, làm nháp rồi cặm cụi chép sạch sẽ vào tờ giấy thi, nhưng viết được độ nửa bài thì trông đánh hết giờ; tiếng trống oan nghiệt đã xé nửa thân áo của bài luận. Chính « nửa vạt áo » ấy đã làm cậu mợ em rầu rĩ và tức giận cho sự khờ dại của cậu con út người.

Tuy vậy, trưa ấy, Dũng vẫn bình tĩnh làm hết ba bát cơm và một ly chè hạt sen ướp lạnh — « để cho thằng Dũng ăn đỡ mệt », mợ em bảo thề — rồi ung dung đi xuống nhà sau, vui vẻ ngồi xem con Tô đang cho mấy con chó con của nó bú.

Chiều đến. Chiều đến, Dũng lại đi thi. Lần này, Dũng phải làm hai bài toán. Dũng đi đâu biệt tăm, đến ngay lúc bữa cơm tối được dọn lên thì Dũng về. Cậu em nóng lòng chờ đợi từ chiều khi tan sở. Mặc, Dũng « phớt lạnh » leo lên bức ngựa gỗ, ngồi chễm chệ trước mâm; sau khi « Mời cậu mợ các anh chị xơi cơm ạ », Dũng làm luôn ba bát liền, xơi thêm hai chiếc bánh rồi ung dung bước xuống đất định chạy ra sân.

Phuong (không biết cao hứng gì mà cậu mợ em mời Phuong chiều ấy ở lại ăn cơm) vội gọi Dũng lại :

— Dũng !

Cậu em bảo :

— Thôi, tôi bầm độn thì nó trượt vô chuỗi rồi.

Phuong vẫn gọi :

— Dũng, vào anh hỏi nào, sao chiều nay Dũng làm toán ra sao ?

— Thưa anh, em trúng cả hai bài.

Mắt cậu em sáng lên; mợ em cười đắc chí. Bà nói :

— Ó, con tôi giỏi quá, này lại đây mợ cho thêm một quả hồng nữa.

Ăn hết quả hồng, Dũng tiếp :

— Người ta ra hai bài, một bài con trúng tử vì chị Mỹ đã cho con làm rồi.

Em sung sướng quá :

— Đây, mợ thầy không, con phải mở « cua » Luyện Thi vào Đề Thất mới được.

— Chị Mỹ ơi, đây là bài thứ nhì, em chưa chép vội, em cô làm bài thứ nhất.

Cậu em nóng ruột :

— Nhưng có trúng không ?

— Thưa cậu, trúng ạ, khó lắm nhưng con cố gắng làm được.

Phuong hỏi :

— Sao Dũng biết là trúng ?

— Vì khi đi qua bàn em, thấy giáo liếc nhìn bài em, thấy bảo « Đúng rồi, chép vào gấp đi ».

— Ó, con tôi giỏi quá.

— Nhưng thưa mợ, con chép xong bài thứ nhất thì hết giờ.

Em không làm sao nhìn cười được :

— Dũng ơi, lớp Luyện Thi của chị phải đóng cửa mất.

Cậu em đứng dậy, mặt người đỏ như gấc :

— Dũng, mày có cắt đi không nào, ngu như bò, sao không chép bài kia trước ?

Dũng vẫn bình tĩnh :

— Thưa cậu, bài kia là bài thứ nhì, con phải làm cho có thứ tự nếu không thì các thầy giáo người ta cho là con làm dấu, người ta sẽ đánh hỏng.

— Thề bây giờ mày đó hẳn ?

— Thưa cậu, con chờ kết quả, có lẽ sáng thứ bảy tuần tới.

— Kết quả ! Thôi cắt đi.

Lúc em đưa Phuong ra tận cửa ngõ, trước giây phút « dùng dằng nửa ở, nửa về » Phuong khẽ nói :

— Phuong mong « chuyện thi này » Phuong không như Dũng.

Không hiểu sao em lại thấy mình cảm động trước một lời nói như thế, nhưng em cũng đủ bình tĩnh để đáp lại một câu khôi hài :

— Thôi cắt đi, cậu Mỹ « ra toán » khó lắm, anh đã chắc gì hơn Dũng, thôi cắt đi.

Chết, chị Trang, em đã hứa với chị là dẹp chuyện Phuong một bên; chắc chị còn nhớ mãi câu của em : « Chị Trang ạ, chuyện buồn lắm, kể làm chi, nghe làm chi, chị chỉ biết đó là một câu chuyện tình như trăm ngàn chuyện tình khác nghĩa là buồn lắm và « không đi đến đâu » chị ạ »; thế mà bây giờ lại nhắc đến, chị cho em bênh vực như thế này, có xuôi không :

« Vì phải kể chuyện Dũng nên em nhắc đến Phuong, « một nhân vật » có mặt tại gia đình em trong những ngày cuối cùng của Dũng bên cạnh em ».

(còn nữa)

TRUYỆN DÀI

nhất lễ



(tiếp theo)

TÂM hồn hẳn giờ đây là cả một nghi vấn, cả một dấu hỏi, mà nghi cái gì cũng như hỏi về cái gì thì chính hẳn cũng chưa trả lời cho hẳn được. Toàn thân hẳn ở trạng như nhộng, chừ đây hẳn mới thấy cái thân trần truồng của hẳn, hẳn nhìn một lượt và không biết nên tự xử làm sao. Da hẳn thấm một màu nâu : mồ hôi ra cuộn đất vào tô lên da hẳn một lớp sơn bám riết như keo, vẫn vện từng đường làm cho hẳn cảm thấy hẳn có nhiều lớp da khác màu, hẳn trở nên một con người có nhiều sắc da, một con người dị thể ! Lông lá như mọc dài ra hơi hám, hẳn vươn hai tay lên đầu, tóc rít lại thành từng mảng cứng như keo khô ! Hẳn bản thân nghe mưa rồi ngồi phịch lại, dựa lưng vào bờ tường, mắt ngược lên nhìn theo bàn tay trước mặt. Không phải là bàn tay của hẳn, mà một bàn tay xưa cũ, ấm áp lắm, dịu hiền lắm, một bàn tay mát đượi mà hẳn bỗng hiện thấy ra từ những vết máu trên tường. Hẳn nghĩ rằng hẳn loạn trí, nhưng khi nghĩ rằng loạn trí là khi chưa loạn bao giờ. Hẳn nhìn ra tâm cửa, cặp mắt quan sát vội quay đi một cách vụng về, và hẳn bắt giặc trở về thực tại. Tác động tròn nắp nơi cánh cửa làm cho hẳn nghĩ ngay rằng hẳn chỉ là một mãnh thú trong chuồng ! Mà nào hẳn có phải là mãnh thú cho cam ! Hẳn cũng chỉ là người và có cặp mắt còn kém thua cặp mắt vừa mới đang nhìn hẳn. Từ thế chất của đôi mắt hẳn đã sút kém, hẳn phải dùng gương cận thị, mà giờ đây họ lại trước gương đi. Hẳn không còn ngay cả cái nhìn để nhìn lại ; cái nhìn tự vệ, hẳn cũng bị người ta sang đoạt mất rồi. Vô lý. Thế mà hẳn không biết làm chi hết cả, hẳn mắt luôn cả quyền phản kháng, hẳn chỉ còn là một im-lặng-thể cô đơn, cái im lặng dày đặc nặng nề của một xác chết, của một quan tài. Nhưng nhục nhã hơn, hẳn chưa là xác chết chưa là quan tài. Người hẳn bắt đầu đâm gai. Da thịt hẳn nhức nhối ! Hẳn chỉ kịp nhìn lại : những vết thương do xi măng cát róm máu khô lại trên da và bắt đầu sưng mủ. Ngoài kia trời vẫn mưa. Mưa. Tiếng mưa, tiếng sấm, tiếng gió về vật và càng làm tăng thêm nỗi niềm im lặng của hẳn. Hẳn lại đứng dậy, đi về phía bức tường nhỏ có chấn song trên cao. Một ít ánh sáng lọt vào nhưng không làm sao sáng cho thấu tận đầu hẳn. Hẳn không nhìn thấy một khung trời nào, hẳn biết rằng không thể nào, chẳng làm sao thấy được nhưng vẫn vươn cổ nhìn lên. Nhưng hẳn không thấy gì hơn là nước sông Cửu Long, đồng lầy Nam bộ, nắng sáng Sài Gòn một chiều cuối năm hẳn theo con tàu trở về xứ sở ! Cảm giác bị giam cầm đến với hẳn từ thuở ban đầu, nhưng hẳn đã xô đuổi đi, cố quên đi để

tự nhận mình trong một vị trí mới. Hẳn cố vận dụng ý chí để chấp nhận vị trí, nhưng một cái gì trong người hẳn cứ nhất định nói không ? Cái gì trong hẳn nói không ? Tim, gan, phèo phổi như người xứ này thường nói ? Thì cái thế chất ấy cũng như thế chất hẳn, làm sao có thể nói không với vị trí ? Hẳn không biết rằng hẳn đang suy xét, hẳn không biết rằng hẳn đang nghĩ ngợi. Vài sợi mưa theo gió tạt vào rơi trên trán hẳn, làm hẳn bỗng giật mình co ro ngồi xuống gần bên chiếc thùng thiếc rỉ ! Hẳn đã quá quen cùng hương vị, và hẳn lại rùng mình đứng dậy như làm bộ chưa quen. Hẳn đi lại phía cửa lim, cố mở mắt thật to nhìn ra ngoài, nhưng hẳn chẳng thấy chi ngoài một màu tối thăm. Tối quá tuy là giữa ban ngày ; phía ngoài cũng không có một tia sáng nào soi chiếu, như nơi đây hết cả mặt trời. Trong thế giới tuy mưa, nhưng mặt trời vẫn có, bằng chứng là có ngày có đêm, dù là những ngày mưa. Nơi đây, mưa không

đang mẹ hiền, nhưng Nhi không đến được bằng Nhi, mà Nhi đến bằng Tình Thương của Nhi mà trọn đời hẳn đã từng ấp ủ. Nhi chỉ là một người em gái, Nhi là em ruột của hẳn, người em và người em gái duy nhất của hẳn trên đời. Máu thịt của Nhi tức cũng là máu thịt của hẳn, và Nhi đã cho hẳn tất cả một linh hồn bé thơ mát dịu từ thuở Nhi biết cuộc đời. Hẳn bỗng mỉm cười sung sướng : trong thế giới hết tình thương, hẳn vẫn mãi có Một Tình Thương. Hẳn nhớ nước Cửu Long, đồng lầy Nam bộ, Quê Hương khi con tàu đưa hẳn trở về. Hẳn trở về trong... trong một quê-hương mà hẳn biết có tình thương, hẳn có mắt mác chi đâu dù chừ đây hẳn như đã có cảm giác là mình mất hết. Nhi mới thật là Quê Hương của hẳn. Nhi là đích yêu Quê Hương. Và Nhi chỉ là một người con gái. Hơn thế nữa Nhi chỉ là em ruột của hẳn. Sao lại như thế ? Hẳn cũng không còn biết nữa. Hẳn về nước như chỉ trong

đền thâu, mà ánh sáng cũng chẳng len vào ! Có nơi nào trong xã hội loài người như vậy ? Mờ to mắt đã mỏi nhìn, hẳn trở lại chỗ bức tường, ngồi áp lưng dựa vào để tìm giấc ngủ.

Nhưng cặp mắt hẳn như nặng cả hoài nghi, hoài nghi về giấc ngủ mà hẳn nghĩ rằng không bao giờ đến được. Đầu hẳn không còn là một lâu đài tư tưởng và tình cảm nữa. Đầu hẳn là một sự rung chuyển của bao nhiêu chấn động, đầu hẳn là cả một trận động đất kinh hoàng. Những thớ tê bào của não cân như đang lún lún, dồn ép, quăn quai, quay quắt gợn những lớp sóng theo những làn địa chấn của thần kinh. Trận động đất tâm linh ấy chuyển dần dư ba trên cơ thể. Hẳn thấy rã rời kỳ lạ. Hẳn thấy hẳn là cả một hoang tàn, rồi khi yên lặng của tâm tư trở về, hẳn thấy mình chỉ còn là một nghĩa địa : im lặng vô cùng, một im-lặng-thể hoang vu... Những gì xảy ra cũng như quá vội vàng làm hẳn không kịp thì giờ nghĩ lại, làm hẳn như cũng chưa kịp ý thức cho rõ số phận của hẳn giờ đây. Bỗng hẳn rùng mình : cái im lặng chết chóc sau cơn chấn động như đang được tiếp chuyển bằng những đợt sóng thần tự biển xa kéo lại, dồn gập, tời tập lay đổ cả tâm tư, cuộn phăng tất cả những gì còn lại. Phong ba lại nổi lên, hẳn cố gắng đại nhìn mà không thấy gì nữa cả, như hôn, như xác đang bị một nạn hồng thủy cuốn phăng đi. « Agadir... Agadir... » hẳn thảm lắm lắm mà không hiểu đang tự nói gì. Mất hẳn long đổ, râu hẳn như mọc dài ra thành gai nhọn, tóc hẳn như trườn lên thành từng đợt sóng, máu hẳn như cuồng đổ mạnh thành những dòng phun thạch từ lòng đất dâng lên, thịt da hẳn như cát bay đá chạy, xương hẳn rung chuyển như vỡ ra từng miếng người hẳn trở thành một hoá diễm sơn đang xé đất để tung lên trời tất cả sức nóng phân uất của mình — Hẳn cứ rùng mình liên tiếp... hẳn kêu se se : « Nhi ơi ! Nhi ơi ! » Sao hẳn lại kêu Nhi ? Nhi như một bóng mát đang hiện ra che chở cho hẳn, vuốt ve cho hẳn, Nhi như một thiên đường, một hào quang, một quê hương ấm áp đang hiện về để làm cho hẳn được tái sinh. Ký ức hẳn bị thác loạn chăng ? Hay hẳn mê ngủ ? Không, cả hai đều không phải, vì Nhi có thật, Nhi có đó, Nhi đứng một bên hẳn, Nhi ở trong lòng-hẳn: Nhi là linh hồn hẳn đang làm cho bao nhiêu cuồng phong thế chất dịu lãn, đang làm cho bao nhiêu chấn động trở về lòng đất để cho hẳn được trở lại làm người trong tất cả phẩm chất an ủi của Nhi. Nhi đang là dòng suối thơm thoát ra từ bảo tháp, vì Nhi là hình ảnh làm người duy nhất mà hẳn gặp được lúc này khi thế giới đã hoang tàn, tâm địa con người đã độc ác, thành phố đã hoang vu và ngoại vật đã bị bao nhiêu biến cố san thành bình địa. Nhi đến vừa đúng lúc như một

một ý thức tìm Nhi, tìm Quê Hương của tình thương thì hẳn có mắt chi khi chính trong quê hương đó mà hẳn bị đẩy vào xà lim tâm tối. Xà lim hẳn ra đi khi Nhi mười một tuổi. Với hẳn, Nhi mãi mãi là Bé Nhi. Bé Nhi hiền lành, xinh xắn hay chạy lắt cật quanh hẳn mỗi khi hẳn dự định đi đâu. Bé Nhi thích đi chơi với hẳn lắm, nhất là những ngày chạy giặc, hẳn thường công bé Nhi đi trốn Tây trên những dãy đồi hoang của miền Cổ Bi—Hiển Sĩ. Mẹ hẳn mất sớm, nên hẳn thương Nhi và chăm sóc Nhi như một hiền mẫu, và trái lại, hẳn cũng tìm thấy tất cả triu mến của tình Nhi thương hẳn như một nữ thân trong trắng của yêu thương.

Hẳn bỗng nghe có tiếng ngáy ở phòng bên vọng lại. Trời đã thật về đêm. Hẳn không thấy gì hết cả. Đêm đen đặc trong tù. Mây đêm rồi hẳn nằm trong đáy giếng của thời gian. Mây đêm rồi hẳn tự thấy mình quanh quẩn. Bánh xe pháp luận cũng là một cái vòng tròn. Thế gian đã nhìn hẳn bằng đôi mắt vô nhân đạo, thì còn chút từ tâm nào người ta có thể cho hẳn khi hẳn không chấp nhận được sự vô nhân. Chỉ có Nhi thương hẳn. Hẳn biết chắc như vậy, không một chút nghi ngờ. Hẳn đưa hai tay lên để níu một cái gì, nhưng chỉ gặp chân không quê quắc ! Quê quắc trong chân không ? Vô lý, nhưng có lý, vì đây là một chân không « không thật là không », cái chân không vô nhân của ngục tù, mặt thật của một chính thể giữa đời. Hẳn nghĩ không có gì quê quắc cho bằng sự vô nhân. Mà hẳn nghĩ được giờ này ? Không, hẳn chỉ ôn lại một mớ suy tư xưa cũ. Hẳn đang là một quả đắng của thời gian, thời gian của hẳn, vì hẳn luôn ôm ấp một số phận ngược dòng. Hẳn nghĩ gì được giờ này khi phòng bên vọng lại tiếng ngáy một lúc một đều và vang âm to dần lên theo với đêm tối. Hết gõ lại ngáy. Người tù bên cạnh làm hẳn xót thương. Đó là một bạn đồng hành. Đó là người đang nhận cùng một số. Với hẳn ? Chắc chắn là không. Nhưng cùng một số trong bể ngang của thế giới khi hẳn và người lỡ bước vào một cảnh ngộ như nhau — Nhưng từ cảnh này sẽ mở ra bao nhiêu con đường khác. Ngày mai có còn đêm với hẳn, có còn đêm với người ? Có ai mà giống được ai đâu — Tất cả đều có thể cùng bắt đầu nhưng chẳng bao giờ cùng kết thúc — chỉ có tình thương mới đem lại những giọt châu — Tự nhiên hẳn thấy nóng ở mắt, nóng như phun thạch từ lòng đất của tình thương. Những giọt nước mắt từ từ lăn trên má hẳn. Đôi mắt hẳn trở thành hai hóa diễm sơn của tình thương. Nhưng không có chấn động. Im lặng, nước mắt trào im lặng. Nước mắt trào im lặng như một bài thơ im lặng của tình thương tình thương thật thương chính là tình thương im lặng.

Ngôn ngữ Nhật Linh

(tiếp theo trang 9)

« ... Phôi cảnh nhân văn, cái tương hợp của hai trong một đó, Nhật Linh đã nói ra bằng ngôn ngữ : «những cái vui khổ của anh không ở cảnh đời anh; sông sang trọng trong một tòa nhà lộng lẫy, hay sông nay đây mai đó trong cảnh nghèo nàn hiện giờ, lúc nào anh cũng vẫn là anh, anh vẫn có chừng ấy cái vui cái khổ » (Đôi Bạn — Nhật Lá Bàng). Trong nhận định ấy, Nhật Linh với con người văn nghệ của mình, đã trở thành một sự điệp tình thân về cái vui, cái khổ của thân phận. Nhật Linh không viết để mà viết, mà chính viết để được kể lại một kinh nghiệm sống, và từ kinh nghiệm ấy gây được ít ra, một sự truyền cảm với tha nhân và nhịp sống của tâm tư :

« Giá tôi có thể bắt đầu được, viết xong ngay câu chuyện đó, có lẽ tôi sẽ nhẹ nhàng sung sướng lắm. Không viết nhưng bao lâu nào có quên được : cá một thề giới như rạo rức ở trong hồn tôi » (Đôi Bạn — Nhật Lá Bàng).

Viết là đem lại cho đời tờ báo điệp về cái vui, cái khổ của con người, để con người từ niềm vui, nỗi buồn của mình, hiểu biết được mình, và thương xót mình một phần nào trong xã hội mà mình đang sống. Nhà văn nghệ sĩ, trong ý thức Nhật Linh, phải tiếp đón cuộc đời như đôi trẻ nhật lá bàng đợi gió và đón gió, dù «những cơn gió làm chúng rét run mà chúng vẫn mong nổi lên.» — « Gió lên, lay trời gió lên... » (Đôi Bạn)

« Cuộc đời do đây, dù có phong ba đến thế nào đi nữa, thì những nhịp đời rụng xuống như những lá bàng sẽ sưởi ấm được lòng người trong sự truyền cảm của nhiều ngọn lửa. Phải thấy ở lá bàng không chỉ lá bàng, mà « Lá bàng này sưởi ấm lắm đây... » (Đôi Bạn). Phải thấy nơi lá bàng, ngọn lửa... phải thấy nơi ngôn ngữ, nhịp đời ... » (1).

* * *

Hôm nay giữa Huế tháng III, mười sáu, 1964 : tôi nhớ lại « lá bàng, ngọn lửa » — « ngôn ngữ, nhịp đời ». Ngôn ngữ vì thế không chỉ là hiện tượng trở thành của sự sống, mà chính còn là hiện tượng trưởng thành. Với Anh, đây là cả một sự trưởng thành từ đau khổ. Và bao nhiêu đau khổ ấy là niềm vui độc nhất của Anh : «Đời bạn ta, một bạn sống ở trong một px hội đương thay đổi có những nỗi khổ chung, mà oái oăm thật, những đau khổ ấy lại là những nỗi vui độc nhất của chúng ta bấy lâu » (Đôi Bạn). Đây là một tương phản sâu xa đang tương hợp trong Anh, nơi qui tụ người văn nhân và nhà cách mạng. Ngữ ngôn tinh cảm còn là một lợi khí để đấu tranh. Gió mưa rét buốt, đó là điều Anh luôn đón đợi. Như Nguyễn thái Học, Anh ít quan tâm đến chuyện thành công, vì điều kiện sinh tồn trước hết chắc chắn là phải biết làm Người, một con người luôn cảm «tất cả những nỗi đau khổ của một đời anh như thấm lọt vào hồn tôi » (Đôi Bạn) để vì người mà sống, mà đấu tranh, mà sáng tạo.

Ngữ ngôn của Anh là sự hình thành của những cơn gió, «những cơn gió rét run » mà Anh «vẫn mong nổi lên », nổi lên mãi cho đến cuối đời Anh, vẫn chưa nguôi, vẫn chưa dứt. Mà có bao giờ dứt được những cơn gió lạnh, phải không Anh ? Anh ra đi sau khi đã từng đón gió : «Đôi với tôi, những cơn gió tôi chờ đón đã có nổi lên, đã khiến tôi đem qua lạnh cả tâm hồn... » (Đôi Bạn).

Cả một lớp người ở lại, luôn mong đón gió để được «nhật lá bàng»: — « Gió lên... Gió nữa lên » (Đôi Bạn).

Huế, ngày 16 tháng III năm 1964
LÊ TUYẾN

KỶ SAU : Ngôn Ngữ Nhật Linh.

I. Sự hình thành của ngôn ngữ trong tiến trình suy tư và tình cảm.

— 1) Lược trích bài giảng về Nhật Linh —Khoa giảng thứ nhất 20-XI-1961 30-1-1962 tại Đại Học Sư Phạm Huế.

Ý tưởng rời rạc trong lòng hân. Nhưng hân thấy được yên tâm, như bao nhiêu bão táp vừa qua, kể cả những bão táp của cuộc đời, đều chỉ là giả tưởng. Hình thái cuộc đời vốn vô thường. Lòng hân có đạo Tình như một thức tỉnh, đem hân về ấp ủ trong nước mắt nóng của tình thương ! Hân cúi đầu trên đầu gối, ngồi co chân vào lòng và thầm gọi : «Nhi ơi!» Hân chỉ gọi một tiếng. Rất khẽ và rất ngắn. Thế mà vang âm như choáng hết cả xà lim, biến cái chân không què quạc ấy thành một nội dung âu yếm. Cả nhà tù hân xem như một cốc

rượu. Mà không còn là cốc rượu đắng chát chua. Chính cốc rượu thanh bình. Chính là cốc nước mát trong mới đúng: nước ngọt của lòng vừa mức lên ở suối tình thương ! «Nhi ơi!» hân ý thức tiếng gọi của hân. Lần đầu từ khi bị bắt giam, hân ý thức được trong hân một tiếng nói, một tiếng kêu, một tiếng gọi, một tiếng nức, gì nữa ? Một tiếng vọng, một hòa âm của hai số phận được liên kết trong tình thương. Hân thấy bớt bơ vơ, bớt cô đơn, hay không còn bơ vơ, không còn cô đơn nữa. Trên môi hân nở một nụ cười : chiếc hoatrung

đem, cánh sen trong bùn. «Nhi ơi!» là chân lý của hân. Lòng hân có một bình minh — Lòng hân có một Tự do. Lòng hân nở hoa trên một tâm thân đang tàn vì giam hãm. Hân chờ nắng lên giữa một đêm mưa dày đặc. Hân chờ ánh sáng của lòng sẽ đem lại cho hân niềm Vui. Hân dựa lưng lại vào tường và thấy nhức lên ở âm. Các vết thương trên mình hân vì cử động lại rớm máu ra. Nhưng hân quên đau và mơ về Ánh Sáng.

(còn tiếp)

ĐIỀU TRA NÔNG THÔN QUẬN HƯƠNG-ĐIỀN

Sau khi bài điều tra về Quận Hương-Điền đang lên khuôn, bản báo Chủ-nhiệm lại được hân hạnh tiếp xúc tại tòa soạn phái đoàn gồm các tộc-trưởng, bô-lão và thân hào Xã Điện Hải Quận Hương-Điền với một ban kiến-nghị có hơn ba trăm dân ký tên. Phái đoàn yêu cầu bản báo Chủ-nhiệm vì sứ mệnh bênh vực và che chở lương dân Nông thôn, giúp đỡ Phái đoàn để đạt đến nơi đến chốn mọi nguyện vọng tôi thiểu chính đáng của họ lên thượng cấp.

Ngày 20-3-64 lúc 7 giờ sáng, Phái đoàn Dân chúng Quận Hương-Điền được Đại-tá NGUYỄN CHÁNH THI, Tư-lệnh Khu 11 Chiền-thuật tiếp kiến trước sự hiện diện của bản báo Chủ-nhiệm và anh Tổng Thư-ký tòa soạn. Đại tá Tư lệnh hứa sẽ can thiệp ngay với chính quyền địa phương để làm thỏa mã các nguyện vọng chính đáng của dân chúng Điện Hải.

Chiều ngày 20-3-64 lúc 16 giờ 30, Trung tá Tỉnh trưởng tỉnh Thừa-Thiên trong cuộc hội kiến với bản báo Chủ-nhiệm và anh Tổng Thư-ký tòa soạn đã cho biết mọi quyết định của Đại tá để giải quyết êm đẹp vấn đề Hương-Điền như sau :

- Thuyên chuyển ông Lê-đức-Bê chỉ trưởng Công an Quận Hương-Điền
- Bắt ngay tên Cao-văn-Hiến và đồng bọn.

Như vậy, để cho chính quyền địa phương tiện tiếp tục hoàn thành trách nhiệm chính đáng của mình tại Quận Hương-Điền, chúng tôi nghĩ không nên xen vào nội vụ, cho nên loạt bài điều tra về Hương-Điền như : «TÊN CAO-VĂN HIẾN DỰA TRÊN LỰC LƯỢNG NÀO ĐỂ GÂY RỐI» «TÀI LIỆU ĐẦY ĐỦ VỀ TÊN CAO VĂN HIẾN » v.v... tạm gác lại. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin lưu ý chính quyền địa phương mấy điểm :

1) Ngoài vấn đề chính trị, còn vấn đề kinh tế tài chánh như ngân khoản phụ cấp Hương lộ, tiền phụ cấp đề đập v.v... Sự mờ ám này không riêng cụ Đại-diện Xã Điện Hải dính líu đến, mà dính líu cả phần lớn các đại diện những xã khác trong quận —và ông cựu Quận-trưởng Hoàng Sinh, nếu cần câu lưu để điều tra, xin câu lưu tất cả mới công bằng và khỏi tẩy vị.

2) Xin giải quyết các tội trạng kinh tế ngoài các tội trạng chính trị, và cũng xin công minh, giải quyết ngoài cái không khí nặng nề tị hiềm nhau đi từ dân đến ban Đại-diện, từ ban Đại-diện đến Quận, Tỉnh và một vài áp lực vô hình khác có tính cách tôn giáo.

Vấn đề Quận Hương-Điền được giải quyết tốt đẹp, thay mặt dân chúng Quận Hương-Điền chúng tôi xin chân thành cảm tạ Đại Tá NGUYỄN CHÁNH THI Tư lệnh khu 11 chiền thuật đã hết sức lưu tâm đến vấn đề; chúng tôi cũng xin hoan nghênh thiện chí giải quyết của Trung tá VÕ HỮU THU, Tỉnh-Trưởng tỉnh Thừa-Thiên.

LẬP TRƯỞNG

XIN LƯU Ý :

Để cho công cuộc điều tra Nông thôn của chúng tôi được hoàn thành tốt đẹp, và để cho mọi nguyện vọng cùng quyền lợi của nông dân được bảo vệ và bênh vực một cách chu đáo, Tòa soạn chờ đợi và hoan nghênh những tin tức, những ý kiến xây dựng của các độc giả thân mến tại thôn xã...

L.T.

NGÀY NAY

NHẬT BÁO ĐỪNG ĐẢN VÀ NHIỀU UY TÍN

58, Nguyễn văn Thịnh Sài Gòn

Chủ nhiệm: HIỀU CHÂN

CÁO TRẠNG TÒA-ÁN C. M.

(tiếp theo trang 3)

trị giá 18.000đ00, 1 quyển chỉ phiếu do Ngân khố Savannakhet cấp cho khi chống nhân chứng ký gởi số tiền 3 triệu đồng kịp nơi chương mục Lào.

C. - VỤ MUU SÁT VÕ CÔN (6-1-1959)

Nạn nhân là Phó Giám-Độc Công-an Trung-Nguyên Trung-phần tại Huế; thường tỏ vẻ bất mãn về hành động bạo tàn của Ngô đình Cẩn, nên bị di-chuyên qua cơ-quan hành-chánh tại Qui Nhơn.

Ngày 2-9-1958 Võ Côn lúc đó là Chánh văn-phòng Tỉnh Đường Bình-định được Công-điện của Đại-biêu Trung-nguyên Trung-phần mời đi Huế.

Ngày 4-9-1958, tới Phú-bài Võ Côn bị bắt giam tại Ty Cảnh-sát Huế, rồi tại trại giam riêng của Ngô đình Cẩn. Võ Côn đã bị Phan quang Đông, Nguyễn văn Châu, Trần đình Sứ và đồng lõa tra-tấn hiềm độc.

Ngày 5-1-1959 khi thân nhân tới thăm tại Bệnh viện Huế, Võ Côn không nói được và không nhìn biết vợ con.

Ngày 6-1-1959 Võ Côn thở hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Huế.

Năm 1957 vì có đơn tố cáo Quận trưởng Bông-son, Nguyễn văn Châu và Trần đình Sứ hà lạm nên Võ Côn, nhân danh Chánh văn-phòng, thừa ủy-nhiệm Tỉnh-trưởng Bình-định, ký quyết định ngưng chức Châu và Sứ, chờ kết-quả điều tra của cơ-quan thẩm quyền. Châu và Sứ bỏ hạ của Cẩn, trở về Huế, được thâu nhận làm việc dưới quyền Phan quang Đông, trùm mật vụ của Cẩn, được dịp trả thù Võ Côn, báo cáo vụ không Võ Côn hoạt-động chính-trị, làm gián-điệp cho Pháp. Ngô đình Cẩn ra lệnh bắt giam và tra-tấn Võ Côn tới chết.

Bị can PHAN QUANG ĐÔNG khai tại Dự thẩm rằng khoảng tháng 9-58, Ngô đình Cẩn kêu Y lên tư dinh và ra lệnh cho Y bắt và khai thác Võ Côn về tội làm gián-điệp cho Pháp. Y đã đem giam Võ Côn tại Sở Lò voi Long-thọ và Y bắt đầu khai thác Võ Côn bằng cách động-viên tinh-thần hấn để hấn làm bản tự-thuật khai rõ tổ chức gián-điệp của Pháp. Khoảng mấy ngày sau, những nhân viên an-ninh của Y tại Long-thọ có bắt gặp Võ Côn liên lạc với can nhân Nguyễn quang Hựu hoặc ông Ứng Dụng bằng thư-từ để hỏi danh tánh một vài người mà ông Ứng Dụng đã khai. Vì vậy Y có mở cuộc tập họp ban đêm giữa các nạn nhân để cho Võ Côn biết rằng hành động của Y như vậy là trái với kỷ luật ở trại giam. Cuộc tập họp cũng bắt đầu khoảng 11, 12 giờ đêm cho đến sáng hôm sau 8 giờ thì xong. Trong buổi họp đó, Y không nhớ là có ra lệnh cho can-nhân Nguyễn văn Chiêu đánh Võ Côn không và Y cũng không nhớ có tự tay đánh và đập Võ Côn té xuống đất hay không? Nếu có chăng cũng là hành-động nóng tánh mà thôi.

Qua tháng 11-58, Y cho di-chuyên tất cả các can nhân trong đó có Võ Côn về giam tại Mang-cá-nhỏ. Tại đây vì Võ Côn quá yếu và mệt nên Đại-úy Lê duy Cẩn giao cho hai can nhân Nguyễn văn Yên và Châu đình Chương săn sóc Võ Côn.

Qua cuối tháng 12-58 hoặc đầu năm 1959, Y ở Sài-gòn công tác, thời được Lê duy Cẩn báo tin cho biết là Võ Côn chết tại Bệnh viện Huế vì bệnh Diabète.

Nhân chứng NGUYỄN VĂN YÊN khai trong cuộc đối chất với bị can Phan quang Đông rằng sau cuộc gặp ông Đông và Võ Côn thì Đông cho triệu tập các can nhân lại, bắt Võ Côn đứng giữa, cho Võ Côn là ngoan cố, đã phản cung Ông Đông là bị ép buộc nhận tội làm gián-điệp cho Pháp, báo Nguyễn văn Chiêu đánh và chính Đông cũng tự tay đánh và đập Võ Côn té xuống đất.

Mấy ngày vào ở chung phòng với Võ Côn để săn sóc, nhân chứng nghe thầy Côn than thở rằng : "E tôi không sống nổi, tôi không chịu nổi cuộc tra-tấn, chắc phải chết".

Bị can PHAN QUANG ĐÔNG trong cuộc đối chất, khai rằng những người bắt đầu tiên trong vụ gián-điệp Pháp thì Y có tra-tấn, còn những người bị bắt về sau, vì vụ ấy đã rõ ràng nên Y không tra-tấn, hoặc có chăng cũng rất ít.

Nhân chứng PHAN VĂN THÍ khai rằng khi Võ Côn bị giam chung với nhân chứng tại Long-thọ, Võ Côn có cho nhân chứng biết là suốt mấy đêm Phan quang Đông đã bắt Võ Côn thức không cho ngủ. Độ một tháng sau, Võ Côn được phép gặp Ông Nguyễn văn Đăng Thị trưởng Đà-nẵng, tại Ty Cảnh-sát Thành phố Huế. Trong cuộc viếng thăm này, Võ Côn đã nói cho Ông Đăng biết rằng việc gián-điệp là do Phan quang Đông dựng đứng lên, chó tình thật không có và Ông Côn bị hãm oan. Sau đó một hôm, Phan quang Đông đã triệu tập các can phạm và bắt Võ Côn đứng giữa. Đông hạch hỏi Võ Côn, cho Côn là lưu-manh, phản-động, ngoan cố đã đi mách cho Ông Đăng những bí mật, bắt Ông Côn thức suốt đêm đến 4 giờ rưỡi sáng, bắt một can nhân là Nguyễn văn Chiêu đánh Võ Côn hai tác tại. Đồng thời Đông tự tay đánh đá tới bụi Võ Côn té xuống đất. Từ hôm ấy về sau, Võ Côn bị giam riêng và bị xiềng tay chân.

Qua tháng 12-58, sau khi các can-nhân được dời từ sở voi Long-thọ về đến Mang-cá-nhỏ. Tại đây mỗi lần gặp Võ Côn đi việc riêng thời nhân chứng thấy Võ Côn phải có người dìu mới đi được, và trong

người có vẻ quá tiêu tụy như con ma trên đất. Ban đêm thỉnh thoảng, nhân chứng nghe tiếng Võ Côn la khóc tại phòng tra-tấn. Nhân chứng có nghe thầy rằng Nguyễn văn Yên và Châu đình Chương được Phan quang Đông cho qua ở chung phòng với Võ Côn để săn sóc Võ Côn, vì Võ Côn quá yếu sợ không sống nổi. Sau đó một hôm, nhân chứng được biết rằng Đông đã đem Võ Côn đi bệnh viện, rồi Võ Côn chết.

Theo nhân chứng biết thì Võ-Côn chết là vì bị tra-tấn quá đời, sức người không chịu đựng được, và vì bị giam-cắm khắc-nghiệt bỏ đói bỏ khát nên phải chết. Việc bắt Võ-Côn tra-tấn đến chết là do Đông tuân lệnh của Ngô-đình-Cẩn.

Bị-can NGÔ ĐÌNH CẨN khai rằng Y không bao giờ ra lệnh cho Phan-quang-Đông bắt giam Võ-Côn để khai thác về tội làm gián-điệp cho Pháp vì Y không phải là nhân-viên cao-cấp của Chính-quyền. Y cũng không bao giờ ra lệnh cho Phan-quang-Đông để cho Võ-Côn đang bị giam đi gặp Ông Nguyễn-văn-Đăng Tỉnh-Trưởng Bình-Định hỏi bầy giờ.

II) VỤ «Bắt giam trái phép» « Sách thú tiên tài » « Lũng đoạn kinh tế Quốc gia bằng hành động kinh tài bất hợp pháp

1- NGUYỄN-TRƯỜNG-NGUYỄN

Nạn nhân khai bị bắt ngày 3-3-58 tại Đà-nẵng. Sau 2 ngày bị nhốt ở Ty C.A. Đà-nẵng, nạn-nhân bị đưa về Huế, giam tại Nha An-ninh Quân-đội cho tới cuối tháng năm 1958, tới 20-5-58, nạn nhân được đưa về trại giam Lò-voi Long-Thọ, do bọn : Phan-quang-Đông, Bùi-Kê, Nguyễn-văn-Trí và tên Hiệp. Đêm 20-5-58, trong một phòng kín, giữa có Phan-quang-Đông hai bên có Bùi-Kê và Nguyễn-văn-Trí cầm súng lục, nạn-nhân mới hay mình bị khép vào tội làm gián-điệp cho Pháp. Nạn nhân không nhận tội nên bị tra-tấn suốt tuần lễ, bị treo, cột, quay điện đồ nước v.v... Chính Phan-quang-Đông ra lệnh tra-tấn cho bọn Bùi-Kê, Nguyễn-văn-Trí, Nùng, Huân, Huyền, Hiệp, Muội, Châu thi-hành. Qua năm 1959, nạn nhân được chở về giam ở Mang-cá-nhỏ cho đến cuối 1960 thì được tha về.

Gần cuối 1960, Phan-quang-Đông kêu nạn nhân lên văn phòng, ra ngoài sân tại Mang-cá nhỏ, biểu phải đưa 250.000 đồng để y trình xin Ông Ngô đình Cẩn cho về. Ngày 30 Tết 1961, tại nhà Phan quang Đông ở Huế, nạn nhân phải nộp cho Đông gói bạc 250.000 đồng. Đông nhận tiền nhưng không cầm giấy tờ biên nhận cho đó là tiền lương của nạn-nhân làm gián-điệp cho Pháp nay phải trả lại để dâng lên Cụ Cỏ-Vân định đoạt.

Nạn nhân xin được bồi thường 2.000.000 đồng (2 triệu đồng) về tất cả mọi sự thiệt hại phải chịu trong 3 năm giam cầm.

2) CHÂU ĐÌNH CHƯƠNG

Nạn nhân khai bị bắt ngày 30-9-57 tại Huế do công-an mật vụ, bị giam gần 3 tháng ở nhà lao Thừa thiên mà không hay vì tội gì. Ngày 20-12-57, y lại chuyển tới Ty Cảnh-sát Thị-xã Huế và giam trong một phòng nhỏ.

Bắt đầu từ ngày 22-12-1957, nạn nhân bắt đầu bị tra-tấn liên tiếp trong bốn ngày liền. Nạn nhân bị cột chặt hai tay ra sau, trói đầu vào 2 đui cao, hai chân buông thõng, cột hai mũi giày điện vào 2 ngón chân cái, để ngọn đèn pha 200 nèn chiếu sáng vào tận mắt, nếu chậm mở mắt nhìn ngọn đèn thì lại bị quay điện. Hai tên Bùi-Kê và Nguyễn-văn-Trí còn đổ nước xà phòng vào miệng nạn-nhân, khi thấy bụng to, chúng lại để lên bụng cho nước xà-phòng trào lên miệng.

Sáng 29-12-1957, Phan-quang-Đông cùng Bùi-Kê và Nguyễn-văn-Trí lại đem nạn nhân ra tra-tấn như trước. Chúng hãm dọa đem nạn nhân đi chôn sống. Sau chót, nạn nhân bắt buộc phải nhận có chân trong tổ chức gián-điệp cho Pháp.

Nạn nhân đã nộp cho Đông 200.000đ00 trong tháng 5-1959 để được gặp lại vợ con.

Tháng 8-1959, nạn nhân mới được phóng thích.

3) BÙI - CÔNG - THUẬN: Nạn nhân bị công-an Quảng-Ngãi bắt ngày 13-6-59 đem ra Huế, giam tại Mang cá nhỏ. Y bị bọn Phan-quang-Đông Bùi kê, Nguyễn-Trí, Trần văn Nùng thay nhau tra-tấn rất tàn nhẫn, bắt phải nộp số tiền 500.000đ00 để dâng lại cho Ngô đình Cẩn. Nạn nhân đã nộp 397.000đ00 cho bọn Phan-quang-Đông. Mãi tới ngày 13-12-1961, nạn nhân mới được trả tự-do.

Nạn nhân yêu cầu được bồi thường 1.527.000đ00

4) TỔNG VĂN ĐEN: Nạn nhân bị bắt ngày 29-8-1959 tại Huế và bị Phan quang Đông theo lệnh của Ngô đình Cẩn ghép vào tội hoạt động tổ-chức gián-điệp cho Pháp.

Phan quang Đông bắt nạn nhân phải nộp 300.000đ00 để dâng lên Ngô đình Cẩn. Nạn nhân bị giam cầm, tra-tấn trái phép trong 29 tháng. Y yêu cầu bồi thường 721.000đ00.

5) NGUYỄN VĂN LIÊN: Nạn nhân bị Phan quang Đông thừa lệnh Ngô đình Cẩn gán cho tội làm gián-điệp cho Pháp và tham dự phản loạn ngày 11-11-1960; y bị giam cầm, tra-tấn trong 20 tháng. Y đã nộp cho Đông 200.000đ00 do sự ép buộc của Đông. Nạn nhân xin được bồi thường thiệt hại 1.200.000đ00.

6) PHAN VĂN THÍ: Nạn nhân bị Phan

quang Đông thừa lệnh Ngô đình Cẩn gán cho tội làm trưởng ban kinh tài cho gián-điệp Pháp tại Trung-phần Việt-Nam. Đông ép buộc nạn nhân phải nộp 1.500.000đ00 kêu là tiền - côi áo thực dân - nạn nhân yêu cầu được bồi thường thiệt hại 5.700.000đ00

7) TRẦN-NGỌC-ĐƯỜNG: Nạn nhân bị bọn Phan quang Đông thừa lệnh Ngô đình Cẩn gán cho tội làm liên lạc Trung-ương cho gián-điệp Pháp tại miền Trung và Nam. Y bị giam cầm, tra-tấn cực hình trong 29 tháng (từ tháng 9-1958 đến tháng 2-1961). Y yêu cầu được bồi thường thiệt hại 116.000đ00.

8) LÊ-VĂN-CHÂU: Nạn nhân bị bọn Phan quang Đông thừa lệnh Ngô đình Cẩn gán cho tội làm gián-điệp cho Pháp và âm mưu phản-loạn ngày 11-11-1960. Đông đã ép buộc nạn nhân phải nộp 100.000đ00.

Nạn nhân yêu cầu được bồi thường thiệt hại 600.000đ00.

9) Nhân chứng ĐÀO VĂN MINH: khai rằng đã bị bắt tại Huế vào ngày 10-10-1957 do các nhân viên Cảnh-sát gồm có Trần văn Hùng, Đặng-Phong, Hồ-đắc-Vang, Nguyễn văn Cường... Nhân chứng đã bị giữ tại Ty Cảnh sát I đêm, rồi sau đó bị giam tại lao xá công an Thừa thiên, lâu Hòa-bình, Sở voi Long thọ, Mang cá nhỏ...

Bọn Phan quang Đông đã gán cho nhân chứng tội làm gián-điệp cho Pháp, với chức-vụ liên lạc lương mỗi tháng 5.000đ00 trong thời gian 2 năm. Tên Đông cho rằng nhân chứng đã lãnh của Pháp trên 100.000đ00 và buộc nhân chứng phải hoàn trả lại cho Chính-phủ. Nhân chứng không có tiền để nộp.

Ngày 14-1-1960, nhân chứng được tha và bị quản thúc cho tới 20-6-1960 mới được Ty C.A. Thừa thiên cấp giấy chính thức phóng thích.

Nhân chứng xin Tòa buộc Ngô đình Cẩn và Phan quang Đông phải bồi thường cho nhân chứng tổng cộng 1 triệu đồng gồm các số tiền sau đây:

- 320.000đ- về tiền lương của nhân chứng trong 32 tháng bị giam cầm, mỗi tháng 10.000đ00 vì khi bị bắt nhân chứng làm cho hàng Hàng Không Việt-Nam.

- 400.000đ- tiền lương trong 40 tháng kể từ ngày 20-6-60 là ngày được trả tự-do chính thức đến ngày Cách-mạng thành công 1-11-63.

- 360.000đ- về các sự thiệt hại khác.

10) Nhân chứng NGUYỄN-VĂN-CHIẾU khai rằng đã bị bắt ngày 7-3-1958 tại Quảng-Trị do nhân viên của Phan quang Đông bắt và giam tại sở voi Long Thọ. Nhân chứng được biết rằng chính Ngô đình Cẩn đã ra lệnh bắt y, tra-tấn về tội làm gián-điệp cho Pháp.

Nhân chứng được phóng thích vào ngày 15-2-1960, sau khi bị giam cầm 23 tháng.

Nhân chứng xin Tòa buộc Phan quang Đông và nội bọn bồi thường cho nhân chứng số tiền lương giáo-viên của nhân-chứng mỗi tháng 1.800đ00 kể từ ngày bị bắt giam trái phép là 7-3-58 cho tới nay cả thảy là 1.800đ00 x 70 = 126.000đ00.

11) Nhân chứng TRƯƠNG ĐÌNH HƯC LỚN khai rằng đã bị cảnh-sát đến nhà mời nhân chứng đến Ty Cảnh-Sát Huế sửa xe. Tại đây, nhân chứng đã phải ngồi đợi từ 2 giờ chiều đến 6 giờ chiều, thì có xe hơi của tên Nguyễn văn Trí chở về giam tại trại giam Long-Thọ và buộc cho nhân chứng tội làm gián-điệp cho Pháp.

Nhân chứng xin Tòa xử buộc Phan quang Đông, hoàn lại cho nhân chứng số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng) về các khoản sửa chữa xe cộ và mua đồ phụ tùng mà tên Đông chưa trả lại cho nhân chứng.

12) Nhân chứng NGUYỄN-VĂN-NHIỆM khai rằng sau khi bị bắt, trong khi bị thẩm vấn thì nhân chứng có được thăm-vấn-viên là Bùi Kê cho hay là nhân chứng bị bắt giam do lệnh của Ông Cỏ văn Ngô đình Cẩn.

Đầu tiên nhân chứng đã bị cơ-quan An-ninh Quân đội Huế bắt ngày 17-9-1957, sau đó 1 tuần bị đưa giam ở chín hãm, rồi Long-thọ, Mang cá. Nhân chứng đã bị chúng gán cho tội cộng tác với Ông Phan văn Thi làm gián-điệp và kinh tài cho Pháp.

Trong khi bị giam, nhân chứng có bị Phan quang Đông bắt phải nộp 300.000đ- (Ba trăm ngàn đồng). Nhân chứng đã phải nộp số tiền trên là 3 lần, 2 lần đầu trao tay mỗi lần 100.000đ cho tên Đông khi nhân chứng còn bị giam, lần thứ 3 cũng trao tay cho tên Đông 100.000đ sau khi nhân chứng được trả tự do, khoảng tháng 6-1960.

Nhân chứng xin Tòa buộc tên Phan-quang-Đông và nội bọn phải hoàn lại cho nhân chứng số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) cho nhân chứng được chuộc lại ngôi nhà số 15 đường Nguyễn trường Tộ mà ông Ngô đình Cẩn đã mua ép với giá bạc 270.000đ và bồi thường 1 triệu đồng cho nhân chứng về sự thiệt hại vật chất và tinh thần suốt trong 30 tháng bị bắt giam.

13) Nhân chứng NGÔ ĐA MỸ khai rằng chính Phan quang Đông đã nhận lệnh của Ngô đình Cẩn và đã cho thủ hạ đón bắt nhân chứng tại 1 địa điểm gần

bệnh viện Huế, đem về giam giữ tại trại Mang cá nhỏ ở Huế về một tội chúng gán cho nhân chứng là đã làm kinh tài cho gián điệp Pháp.

Trong lúc bị giam, nhân chứng đã bị Phan quang Đông và nội bọn cưỡng bách phải nộp cho chúng 500.000đ là số tiền mà theo lời chúng, nhân chứng đã nhận của Ông Phan văn Thi, một thương gia ở Huế và cũng là một nạn nhân như nhân chứng, để làm kinh tài cho cơ sở Gián điệp Pháp. Sự thực đó chỉ là một cách chúng đã làm tiền nhân chứng mà thôi, chỉ thực ra ông Thi và nhân chứng đều không hề làm kinh tài cho Pháp.

Số tiền trên đã được nhân chứng nộp cho bọn Phan quang Đông làm 5 lần, trong khoảng các tháng 8,9 và 10 năm 1960. Sau khi nộp đủ 500.000đ nhân chứng đã được trả tự do.

Nhân chứng xin Tòa buộc các tên Ngô đình Cẩn và Phan quang Đông phải hoàn lại cho nhân chứng số tiền 500.000đ và ngoài ra, phải bồi thường cho nhân chứng về việc nhân chứng đã phải bỏ công việc làm ăn trong 8 tháng rưỡi, mỗi tháng 50.000đ tức là 425.000đ

14) Nhân chứng TRẦN NGHIÊM khai đêm 6-7-1958 đã bị bắt tại Nha-Trang. Sau đó ngày 8-7-1958, nhân chứng bị giải ra Tuy-hòa rồi Phú-Bào. Một tuần sau, Phan quang Đông và thuộc hạ mới tới tại chỗ nhân chứng bị giam. Sau nhiều ngày tra tấn, Phan quang Đông đã buộc nhân chứng vào tội thân Pháp. Vì bị khủng bố chịu không nổi nên nhân chứng đã phải ký bừa vào giấy nhận tội là gián điệp cho Pháp. Sau khi bị giam tại Long-thọ độ 7, 8 tháng nhân chứng bị đưa về giam tại Mang-cá nhỏ.

Trong thời gian bị giam tại Long-thọ, nhân chứng đã được Phan quang Đông cho biết là phải nộp một triệu đồng là tiền nhận của Pháp, nhưng nhân chứng không có tiền.

Tới khi được đưa về Mang-cá-nhỏ, nhân chứng được bọn Phan quang Đông cho biết là phải nộp 500.000,000.

Sau khi vợ nhân chứng bán được cái nhà ở Nha trang được số tiền 150.000đ, khoảng tháng 6-59 nhân chứng đã trao số tiền này cho Lê duy Cẩn trước mặt Phan quang Đông tại văn phòng của chúng trong Mang-cá-nhỏ.

Gần tới lễ Giáng sinh năm 1959, tên Cẩn bảo nhân chứng phải nộp thêm 50.000đ nữa. Hai vợ chồng nhân chứng không có tiền phải viết giấy mào nợ của Ông Phan văn Quê tại số 34 đường Duy-tân Huế số tiền trên. Giấy này do tên Cẩn đã thảo mẫu sẵn. Thực ra, nhân chứng không biết tên Quê là ai.

Sau khi được tha ra, ngày 17-3-60 nhân chứng đã phải đưa 50.000đ đến trao tay cho tên Cẩn tại nhà hân ở đường Đào duy Từ Huế. Như vậy, nhân chứng đã phải nộp tất cả 200.000đ.

Nhân chứng xin Tòa xét bắt Phan quang Đông và nội bọn bồi thường cho nhân chứng một triệu đồng về tội bắt giam trái phép và sách thủ tiền tài.

15) Nhân chứng TRẦN NGUYỄN CÁO khai rằng ngày 11-12-1958, đã bị công an bắt tại Quảng Ngãi. Sau đó nhân chứng đã bị giam tại lò vôi Long-thọ, rồi Mang-cá-nhỏ và bị buộc vào tội hoạt-động gián-điệp cho Pháp.

Trong khi bị giam khoảng tháng 1-60 nhân chứng đã phải nộp cho Phan quang Đông số tiền 110.000đ có tên Nguyễn văn Châu, cán bộ của tên Đông dự kiến.

Sau khi được tha về, ngày 15-5-1963, nhân chứng đã nộp 300.000đ cho tên Đông tại số 9 đường Lê Lợi.

Nhân chứng xin Tòa buộc Phan quang Đông phải bồi hoàn cho nhân chứng các số tiền đã bị tên Đông cưỡng đoạt và sự thất thu trong thời gian bị giam giữ là 769.857đ.

16) Nhân chứng VÕ VĂN QUÊ khai vì Ngô đình Cẩn đã ra lệnh cho Phan quang Đông bắt giam Y tại lao xá Ty công an Thừa-thiên, rồi lều Hòa-bình, Mang-cá-nhỏ. Bọn chúng gán nhân chứng vào tội hoạt-động gián-điệp cho Pháp.

Trong lúc nhân chứng bị giam, Phan quang Đông ép buộc nhân chứng phải nộp một triệu đồng. Vợ nhân chứng chỉ vay được số tiền 225.000đ để nộp làm 2 lần. Lần thứ nhất vợ nhân chứng nộp cho Nguyễn văn Trí 100.000đ. Lần thứ hai vợ nhân chứng nộp thêm 125.000đ cho Nguyễn văn Yên để trao lại cho Phan quang Đông.

Nhân chứng yêu cầu Tòa buộc Phan quang Đông hoàn lại số tiền 225.000đ, bồi thường cho nhân chứng nửa triệu đồng về sự thiệt hại gián đoạn công-vụ trong 6 năm.

17) Nhân chứng PHAN HOÀNG khai đã bị Trần hữu Nùng chặn bắt giữa đường đem về giam tại lều Hòa bình rồi Mang - cá. Bọn mật vụ gán cho nhân chứng tội âm mưu lật đổ Chánh-quyền theo phe Phan quang Đan và tội làm gián-điệp cho Pháp. Nhân chứng đã bị chúng ép buộc nộp số tiền 260.000đ cho tên Nguyễn văn Trí khoảng cuối tháng 6-1961, do lệnh của Phan quang Đông và Ngô đình Cẩn. Nhân chứng yêu cầu Tòa buộc Phan quang Đông và Ngô đình Cẩn hoàn lại số tiền 260.000đ

và bồi thường 460.000đ về khoản thiệt hại ngưng hoạt-động trong 12 tháng.

18) Nhân chứng NGUYỄN VĂN YÊN khai đã bị Đặng Phong bắt giam tại Ty Cảnh-sát Huế rồi lều Hòa bình, lò vôi Long-thọ, Mang-cá và bị gán tội làm gián-điệp cho Pháp và bị tra tấn dã man. Bị giam cầm trong 23 tháng rưỡi, nhân chứng yêu cầu Tòa bồi thường thiệt hại tổng số là 5 triệu đồng do bọn Phan quang Đông và Ngô đình Cẩn gây nên.

19) Nhân chứng BUI ĐĂNG NGẠI khai rằng ngày 1-5-1955 đã bị bắt tại Đà Nẵng và bị giữ luôn một năm. Lý do là vì hồi tháng 6-1954, ông Đoàn Nhượng, Chủ-tịch Hội đồng Thành-phố Huế, đã đánh điện tin báo nhân chứng gọi điện tin sang Pháp cho Đại diện Việt-Nam tại đây để ủng hộ ông Ngô đình Diệm lúc đó sắp sửa về nước chấp chánh, nhưng nhân chứng không đánh điện-tin đó.

Nhân chứng đã bị thay đổi chỗ giam tới 13 lần và bị điều tra mạnh. Trong lúc nhân chứng bị giam, vợ nhân chứng đã phải nộp cho bà Cà Lê và ông Ngô đình Cẩn số bạc 3.500.000đ tiền mặt và đôi bông hột soàn trị giá 500.000đ. Nhân chứng xin Tòa buộc Ngô đình Cẩn phải bồi thường cho nhân chứng số tiền 4 triệu trên và ngoài số tiền thiệt hại trong 9 năm trời trị giá 6 triệu đồng.

20) Nhân chứng TRẦN VĂN THẮNG khai rằng ngày 5-7-59 đã bị Ty Công-an Qui-nhon bắt rồi đưa ra giam tại Mang-cá-nhỏ thuộc quyền của tên Phan quang Đông, chỉ-huy cơ-quan mật vụ của Ngô đình Cẩn.

Nhân chứng đã bị giam tại đó trên 20 tháng và trong thời gian này đã bị bọn tên Đông tra tấn và buộc phải nhận tội làm gián điệp cho Pháp. Chúng buộc nhân chứng phải nộp 500.000đ. Vợ nhân chứng đã vay mượn được 100.000đ và nhân chứng đã trao tay cho tên Đông số tiền trên.

Ngày 13-2-61, nhân chứng được tên Lê duy Cẩn phụ tá của Phan quang Đông, đã thúc phải nộp thêm. Nhân chứng phải bảo vợ lo thêm được 50.000đ và cũng trao cho tên Đông.

Nhân chứng xin cứu vãn thanh danh cùng sự nghiệp của gia đình y đã bị điều đứng trong bao năm qua.

— Bị can PHAN QUANG ĐÔNG khai rằng Y có tuân theo chỉ-thị của Ngô đình Cẩn ra lệnh bắt giam để thăm-vấn về vụ gián-điệp Pháp những người kê sau : Nguyễn trường Nguyên, Châu đình Chương, Bùi công Thuận, Tống văn Đen, Nguyễn văn Liên, Phan văn Thi, Trần ngọc Đường, Lê văn Châu, Trần văn Thắng, Đào văn Minh, Nguyễn văn Chiêu, Võ văn Quê, Ngô đa Mỹ, Phan Hoàng, Trần nguyên Cáo, Nguyễn văn Yên, Nguyễn văn Nhiệm, Trần Nghiêm. Còn Trương Đình tức Lớn thì y không nhớ là có bắt hay không và Bùi đăng Ngại cũng vậy.

Y đã tịch thu của Phan văn Thi số tiền một triệu rưỡi. Về Châu đình Chương, y có nhận 250.000đ. Y không nhận tiền của Nguyễn văn Yên và Đào văn Minh. Y đã nhận của Nguyễn văn Nhiệm 300.000đ Trần nguyên Cáo trong lúc bị giam cầm đã làm giấy tự nguyện nộp số tiền 110.000đ. Những người bị bắt và đã thụ-huân đã có một số làm giấy tình-nguyện như vậy, Y có trình lại với Ngô đình Cẩn và Cẩn cho phép thu tiền nên Y mới nhận. (Đã có cuộc đối chất giữa bị can Đông và Trần nguyên Cáo, trong đó Cáo vẫn xác nhận là Đông có lấy của Y 300.000đ vào ngày 15-5-1963).

Bị can Đông xác nhận có lấy của Ông Hoàng 260.000đ, Võ văn Quê 250.000đ, 40.000đ hay 50.000đ của Tống văn Đen Y không nhớ rõ đích thực là bao nhiêu (trong cuộc đối chất với bị can, nhân chứng Tống văn Đen vẫn xác nhận là có đưa cho bị can 100.000đ và Lê duy-Cẩn 200.000đ trong thời gian nhân chứng bị giam cầm), 200.000đ của Nguyễn văn Liên, 100.000đ của Lê văn Châu, 200.000đ của Trần Nghiêm 500.000đ của Ngô đa Mỹ, 150.000đ của Trần văn Thắng. Y không hề nhận tiền của các tên Trương Đình tức Lớn, Trần ngọc Đường, Nguyễn trường Nguyên, Bùi đăng Ngại.

Tất cả những người nộp tiền trên đều có làm giấy tình nguyện xin nộp mỗi kỳ bao nhiêu. Y trình giấy đó cho Ngô đình Cẩn xem thì Cẩn ra lệnh cho y thâu nhận nên y mới thâu nhận, số tiền thâu được, Y giữ lại một ít để chi phí về công tác trong ban thẩm vấn, còn bao nhiêu thì y phải làm sổ sách phân minh đưa nộp cho Cẩn. Các sổ sách giấy tờ này đã được Y tiêu hủy hết theo lệnh của Cẩn. Y đã giao cho Cẩn 2 triệu 6 hay 2 triệu 7, còn Y thì chi phí hết 2 triệu.

Trong cuộc đối chất với bị can NGÔ ĐÌNH CẨN tại Dự thẩm bị-can PHAN QUANG ĐÔNG vẫn giữ nguyên lời khai trên. Bị can Ngô đình Cẩn khai rằng Y không bao giờ ra lệnh bắt giam những người đó và cũng không ra lệnh cho Phan quang Đông thâu nhận tiền gì của họ cả. Tên Đông cũng không hề nộp tiền gì cho Y.

**

BỜ VẬY CHO NÊN :

Tại HUẾ, trong thời gian 1957 đến 1963, các bị can NGÔ ĐÌNH CẨN và PHAN QUANG ĐÔNG đã phạm các tội :

1) Bị can NGÔ ĐÌNH CẨN phạm tội : MUU SÁT , BẮT GIAM TRÁI PHÉP , SÁCH THỦ TIỀN TÀI và LỪNG ĐOẠN KINH TẾ QUỐC GIA BẰNG HÀNH ĐỘNG KINH TÀI BẤT HỢP PHÁP .

2) Bị can PHAN QUANG ĐÔNG phạm tội : MUU SÁT , BẮT GIAM TRÁI PHÉP , SÁCH THỦ TIỀN TÀI và LỪNG ĐOẠN KINH-TẾ QUỐC GIA BẰNG HÀNH ĐỘNG KINH TÀI BẤT HỢP PHÁP .

Các tội trên đây được dự liệu và trừng trị do các Điều : 280, 282, 283, 309, 310, 361 của Hoàng Việt Hình luật và các Điều : 1, 3, 4, của Sắc luật 4-64 ngày 28-2-1964.

Sắc Luật số 4-64 thiết lập Tòa án Cách Mạng

ĐIỀU 1 : Nay thiết lập một tòa án Cách-mạng có thẩm quyền xét xử trên toàn quốc những tội ác gây ra trong khoảng thời gian từ 26 tháng 10 năm 1955 đến 1 tháng 11 năm 1963, bởi những bọn mật vụ, đại kinh tài viên chức chính quyền cao cấp cùng nhân vật quan trọng dưới thời Ngô đình Diệm.

ĐIỀU 2 : Tòa án Cách mạng sẽ mở phiên xử đầu tiên trong tháng 3 năm 1964 và hoạt động trong thời gian 3 tháng.

ĐIỀU 3 : Sẽ bị truy tố trước Tòa án Cách mạng các tội trạng kê sau :

- Gian nhân hiệp đảng.
- Cò sát với trường hợp gia trọng.
- Giết người bằng thuốc độc.
- Tra tấn và phạm tội trọng.
- Cố ý đã thương với mọi trường hợp gia trọng.
- Hiệp dâm với mọi trường hợp gia trọng.
- Bắt giam trái phép.
- Cướp với mọi trường hợp gia trọng.
- Sách thủ tiền tài.
- Đốt hủy số bộ, chứng thư, chứng khoán, thương phiếu.
- Hôi lộ và hôi mai quyền thế.
- Lũng đoạn kinh tế quốc gia.

ĐIỀU 4 : Sẽ bị xem như phạm tội :

- 1) Gian nhân hiệp đảng : những tổ chức khủng bố bí mật hay công khai;
- 2) Đầu độc giết người : tội bắt giam người trong hầm có hơi độc hay thiếu không khí, để gây thiệt mạng;
- 3) Mưu sát : tội giết người đôi lập về chính trị, việc tra tấn;
- 4) Bắt giam trái phép : việc lưu đày một người mà không có án tòa và ngoại trừ trường hợp dự liệu bởi Dự số 6 ngày 11 tháng 1 năm 1956;
- 5) Cướp : các việc tịch thu bất hợp pháp;
- 6) Lũng đoạn kinh tế quốc gia : việc mang đi hay cho mang ra khỏi xứ, bắt cứ bằng cách nào, các giá khoán động sản, giấy bạc Việt-Nam, vàng, bạc, ngoại tệ, trái khoán và bằng khoán tổ chức kinh tài bất hợp pháp sang đoạt công nho.

NHẬT KÝ LẬP TRU'ÔNG

Tâm Hoài Tâm

THỨ SÁU 20-3-1964

Vắng lặng sau bao nhiêu rầm rộ ! Giờ nao nước đã qua. Con người lại đứng trước những vấn đề của mình, những vấn đề thiết thực nhất, đau đớn nhất, những vấn đề do cuộc chiến tranh du kích gây ra. Thâm trọng nồng thôn là cả một vấn đề trọng đại. Căn bản sinh tồn của Dân tộc đang hằng ngày róm máu. Có chiến lược gì để xoay chiều cuộc chiến ? Đã từng có một kinh nghiệm rồi. Sao không suy tư lại ? Và nên sớm suy tư. Qua rồi « ngọn trào bắc tiên ». Phải thắng chính trên đất mình ! Đó là lẽ đương nhiên. Nhưng làm sao để thắng ? Nên đưa ra những viễn tượng thiết thực. Nên đi vào lòng dân, vào lòng trận địa, vào chính lòng đất mẹ đang hằng ngày quần quai đau thương. Phục hồi sức sống. Phục hồi lòng cả tình thương. Cách mạng không chỉ là chữ nghĩa. Phân xét trên hành vi. Nên kính trọng quyền tự do ăn nói; chế độ cũ đã quá lạm dụng danh từ. Trả về cho Tự-do và Cách-mạng nội dung ý nghĩa.

THỨ BẢY 21-3-1964.

Kỷ niệm Đức Thích Ca xuất gia — Văn đọc tiếp kinh Sơ Đại Bản Duyên trong bộ Trường A Hàm :

« Phật dạy: « Này các ti kheo! thái tử nhân thầy người già bệnh mà thấu rõ cõi đời là khổ não, nhân thầy người chết mà diệt hẳn lòng tham luyến thế gian, nhân thầy vị sa môn mà tâm được quách nhiên đại ngộ. Trong khi thái tử xuống xe bước đi, cứ mỗi bước tiến tới là mỗi bước rời xa triển phược. Thế ấy là chân xuất gia chân viễn ly đó ».

« Nhân dân trong nước nghe Thái tử đã cạo râu tóc, mang y, cầm bát, xuất gia hành đạo, họ bảo nhau rằng: « Đạo ấy chắc là đạo chân chính, mới khiến Thái-tử từ bỏ vinh vị quốc vương cùng mọi sự quý trọng để đi theo, nên tiếp đó có đến 84.000 người trong nước đến xin Thái Tử cho làm đệ tử xuất gia tu đạo ».

Đây là thái tử Tỳ Bà Thi cách Ngài 91 kiếp — Như lai đã dùng trí tuệ để quảng xuyên cả những đường lối xuất gia. Đây là một lời phục hồi công đức. Cho quá khứ và cho cả vị lai.

Lập Trường ra đời cũng trong ngày trọng đại: mồng tám tháng hai Giáp Thìn — Không hẹn mà cùng gặp gỡ, không phải chỉ trong Đạo, mà trong ý niệm Chân chính của Đạo đã truyền đi.

CHỦ NHẬT 22-3-1964.

Hai nghìn số « Lập Trường » được độc giả cổ đô tiếp nhận trong vòng một buổi ! Chiều đến phải thêm hai nghìn số nữa mới đủ cho nhu cầu ! Đã biết độc giả cổ đô nhiệt thành với Lập-Trường biết mấy. Lập Trường xin ghi lại trong nhật ký này tất cả tâm lòng cảm động. Biết nói làm sao hơn. Cảm động trước tất cả môi ghi nhận cảm thông ! Cuộc đời vẫn còn nhiều tri kỷ. Âm vang của những tiếng súng « thần công ». Báo hiệu những tin gì chưa biết.

THỨ HAI 23-3-1964

Sau một đêm súng nổ rền trời. Sáng gặp một vài đồng bào từ miền xa đến Từ Tuấn, từ Băng Lăng nơi Sông Hương chia đôi để « trở về » nguồn ! Băng Lăng là nơi phân chia ra thành Nguồn Tả, Nguồn Hữu. Uống nước Sông Hương, ai cũng nhớ có hai nguồn. Thế mà nơi đó hôm nay róm máu : máu Việt Nam, máu đỏ Việt Nam đang hòa vào nước Sông Hương xanh thẳm. Chiến tranh trong một nước : làm gì có kẻ thắng người bại ? Chỉ có người Việt chết đau thương, máu Việt tuôn oan uổng ! Sông Hương đang lên tiếng oán hờn ! Ai thắng và ai bại ? Người Việt vẫn chết đau thương. Trong khi đó... Sài Gòn « Triền lãm tội ác và tài sản Diệt Nhu ». Đặc biệt là những trang nhật ký của Lê-Xuân (lại nhật ký !) mà theo báo Tự-Do « tài liệu này xác nhận lời tuyên bố của Trung Tướng Nguyễn-Khánh trong cuộc họp báo ngày 30-1-1964... » Chỉ có thể ? Không thấy nhật báo Tự-do nói gì thêm ngoài một bản dịch trang nhật ký ấy ra Việt ngữ — Và là bản dịch « chính thức của Bộ Thông Tin ».

THỨ BA 24-3-1964

Bang giao Việt-Nam — Cambodge. Một thứ bang giao phù thủy. Nhờ bản nhạc « L'apprenti Sorcier » và những nét bút linh diệu miêu tả âm thanh thành màu sắc trong phim Fantasia. Chúng ta sao mãi phải quan tâm đến những phù phép. Nước Việt đã giàu mê tín, dị đoan, bùa, ngãi, ma gà, ma cà rồng. Giờ đây còn muốn rước thêm những điệu múa hú hồn ! Há hồn Hoa Thịnh Đôn, Luân Đôn, Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh, Hà-nội ! Liệu ta có đủ sức hay không ? Coi chừng cậu bé phù thủy !

THỨ TƯ 25-3-1964.

Đọc tiếp « Bức thư ngõ của Hiếu Chân gửi anh Vũ ngọc Các Chủ nhiệm Nhật báo Dân chủ » vừa bị... triệt quyền ngôn luận ! Thầy có câu « Chúng ta muốn tự do dân chủ; nhưng tự do dân chủ không thể chỉ là một tiêu ngữ để ra với mục đích hấp dẫn trong khi những hành động thực tế lại trái ngược hẳn với tinh thần dân chủ » (Ngày Nay số 78)

Xui nhớ những tiêu ngữ khác cũng hấp dẫn không kém : Cán Lao, Nhân vị Cộng Đồng, Đông Tiên... mà các tác giả đã đóng ra người thiên cổ ! Vậy thì những kẻ nào « chơi chữ » hôm nay hãy lấy quá khứ đó để làm gương.

Lời nói của Hiếu Chân. — Một lời cảnh cáo !

THỨ NĂM 26-3-1964

Trời trở lạnh sau một ngày mưa. Mưa thêm và lạnh thêm. Tòa Án Cách-Mạng họp phiên đầu tại Pháp đình giữa trời mưa lạnh bất thần xứ Huế. Cán nhân là Phan quang Đông ! Báo chí, đài phát thanh đều loan là Đặng-Sĩ Sao có sự nhầm lẫn ấy ? Có nên bắt đầu bằng một sự nhầm lẫn như vậy hay không ? Dân Huế chờ xứ Đặng-Sĩ. Đặng Sĩ, kẻ sát nhân tại Đài phát thanh Huế ! Các oan hồn của tám em bé đang chờ. Và dân Huế từ lặng thinh đã bắt đầu nóng ruột.

Vụ án lịch sử

(tiếp theo trang 4)

cũng còn tá lị những cảnh tra tấn dã man của Phan quang Đông.

Ông Chánh án gọi thêm nhân chứng Phan Hòa, một lần nữa, với một giọng phẫn uất, ông Hòa kể lại những cảnh tra tấn khủng khiếp mà ông đã chịu đựng trong suốt mấy tháng trời bị Phan quang Đông giam giữ. Ông Chánh Án gọi thêm Hồ đắc Trọng, nhân chứng kiêm bị can. Ông Trọng người dong dong cao, mặc áo len xám đen, quần đen, quần khăn phủ-la, đầu chải còn ướt, trông vẫn bảnh bao lịch sự. Một nhân viên cảnh sát mở khóa tay cho Trọng. Ông Chương lý cảnh cáo :

— Không bao giờ được công tay bị can khi bị can ra trước tòa. Hồ đắc Trọng nói nhỏ nhẹ quá và hiền lành quá nên chẳng ai nghe được gì cả. Dân chúng bên ngoài la ó lên : « nói to lên ! » Qua lời khai của Hồ đắc Trọng, ông Chương lý tóm tắt :

1— Ngõ đình Cán đã ra lệnh bắt ông Nam.

2— Ngõ đình Cán ra lệnh Phan quang Đông điều chỉnh giấy tờ để hợp pháp hóa cái chết của ông Trần bá Nam.

Nhân chứng cuối cùng là ông Lê-khắc-Duyệt, nguyên Giám Đốc Công an. Ông Duyệt không nhận rằng ông ta lo việc điều chỉnh giấy tờ.

Cho rằng thám vấn về vụ Trần bá Nam như vậy tạm đủ ông Chương lý yêu cầu ông Chánh thẩm trao lời lại cho Luật sư Trị, người đứng đầu sự nguyên cáo, để xin bồi thường cho bà Nam.

Sau một hồi hùng biện, luật sư Trị kết luận rằng ông Nam đã bị mưu sát chứ không phải là tự tử. Đúng về mặt quyền lợi dân sự, luật sư Trị xin tòa bồi thường cho vợ của nạn nhân 10 triệu đồng về sự thất thu trong công việc làm ăn của chồng bà và vì chồng bà chết phải bỏ dở những công việc thiếu khoản quan trọng. Luật sư cũng yêu cầu tòa phạt ông Cán lên đời chịu trách nhiệm dân sự.

Tường thuật

BÀ CAO và SƠN TRUNG

TIN GIỜ CHÓT

NHỚ ĐÓN ĐỌC CHIỀU NAY (28 - 3 - 64)

PHỤ TRƯỞNG ĐẶC BIỆT

của LẬP TRƯỜNG phát hành ngay sau khi
TÒA ÁN CÁCH MẠNG KẾT THÚC

Vụ án lịch sử PHAN QUANG ĐÔNG

Thư từ bài vở xin gửi về:

Ô. CAO HUY THUẬN

Tổng thư ký tòa soạn

Ngân phiếu và tiền bạc, xin giao thiệp với:

quản lý: Bà NGUYỄN THỊ TRANG

Báo quán: Số 17B, đường Lý Thường Kiệt Huế — Hộp thư số: 54